

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**  
**CHUYÊN ĐỀ THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ -**  
**TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Điện Biên Phủ - 2022**

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>i</b>
<b>ĐẶT VẤN ĐỀ</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết việc lập quy hoạch .....	1
2. Cơ sở pháp lý lập quy hoạch .....	2
3. Mục đích .....	7
<b>PHẦN I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI</b> .....	<b>8</b>
<b>I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>8</b>
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên .....	8
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên .....	10
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.....	15
1.4. Đánh giá chung.....	20
<b>II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI</b> .....	<b>20</b>
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	20
2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực .....	22
2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập .....	25
2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn .....	28
2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng .....	31
2.6. Đánh giá chung.....	35
<b>III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT</b> .....	<b>37</b>
<b>PHẦN II. CÁC CHUYÊN ĐỀ</b> .....	<b>39</b>
<b>MỤC 1. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT TRỒNG LÚA</b> .....	<b>39</b>
<b>I. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất trồng lúa</b> .....	<b>39</b>
1. Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa.....	39
2. Biến động sử dụng đất trồng lúa trong kỳ quy hoạch trước .....	40
3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất trồng lúa kỳ trước .....	41
<b>II. Phương án quy hoạch sử dụng đất trồng lúa đến năm 2030</b> .....	<b>41</b>
1. Mục tiêu.....	41
2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trồng lúa.....	42
3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa .....	42
<b>MỤC 2. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG SẢN XUẤT</b> .....	<b>44</b>

I. Hiện trạng sử dụng và biến động đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất .....	44
1. Hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất .....	44
2. Biến động sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.....	46
3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất kỳ trước.....	46
II. Phương án quy hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất đến năm 2030 .....	48
1. Mục tiêu.....	48
2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất .....	49
3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.....	49
<b>MỤC 3. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN .....</b>	<b>54</b>
I. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất nuôi trồng thủy sản .....	54
1. Hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản .....	54
2. Biến động sử dụng đất nuôi trồng thủy sản.....	54
3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản kỳ trước .	55
II. Phương án quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 .....	55
1. Mục tiêu.....	55
2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản .....	56
3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản.....	56
<b>MỤC 4. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP.....</b>	<b>58</b>
I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.....	58
1. Hiện trạng sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp..	58
2. Biến động sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp..	59
3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp kỳ trước .....	60
II. Phương án quy hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2030.....	61
1. Mục tiêu.....	61

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.....	61
3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.....	62
<b>MỤC 5. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT ĐÔ THỊ.....</b>	<b>66</b>
I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất đô thị.....	66
1. Hiện trạng sử dụng đất đô thị.....	66
2. Biến động sử dụng đất đô thị trong kỳ quy hoạch trước.....	67
3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đô thị kỳ trước.....	67
II. Phương án quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2030.....	68
1. Mục tiêu.....	68
2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất đô thị.....	69
3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất đô thị.....	69
<b>MỤC 6. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT GIAO THÔNG, ĐẤT THỦY LỢI.....</b>	<b>71</b>
I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi.....	71
1. Hiện trạng sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi.....	71
2. Biến động sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi trong kỳ quy hoạch trước.....	72
3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi.....	73
II. Phương án quy hoạch sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi đến năm 2030.....	74
1. Mục tiêu.....	74
2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi.....	74
3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi.....	75
<b>MỤC 7. CHUYÊN ĐỀ KHU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP.....</b>	<b>77</b>
I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp.....	80
1. Hiện trạng sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp.....	80
2. Biến động sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp trong kỳ quy hoạch trước.....	80
3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp.....	81
II. Phương án quy hoạch sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp đến năm 2030.....	81
1. Mục tiêu.....	81
2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp.....	82
3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp.....	82
<b>MỤC 8. CHUYÊN ĐỀ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN.....</b>	<b>84</b>
I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất khu dân cư nông thôn.....	84

1. Hiện trạng sử dụng đất khu dân cư nông thôn.....	84
2. Biến động sử dụng đất khu dân cư nông thôn trong kỳ quy hoạch trước .....	84
3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất khu dân cư nông thôn .....	85
<b>II. Phương án quy hoạch sử dụng đất khu dân cư nông thôn đến năm 2030 .....</b>	<b>86</b>
1. Mục tiêu.....	86
2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất khu dân cư nông thôn.....	86
3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất khu dân cư nông thôn .....	86
<b>PHẦN III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH.....</b>	<b>89</b>
I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	89
II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.....	90
III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.....	90
IV. Giải pháp về khoa học - công nghệ .....	94
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>95</b>
1. Kết luận .....	95
2. Kiến nghị .....	95

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1. Tính cấp thiết việc lập quy hoạch**

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng trong môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá đời sống xã hội nhân dân. Trong nông nghiệp, đất đai là chỗ tựa, chỗ đứng, là nguồn cung cấp thức ăn cho cây trồng. Trong công nghiệp, đất đai là nền tảng, làm cơ sở, làm địa điểm để tiến hành những thao tác, những hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, đất đai là tài nguyên không tái tạo được, trong khi đó dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bố sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Khoản 4 quy định "Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai".

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, có vai trò rất quan trọng sự phát triển hài hoà, cân đối của từng địa phương và của đất nước theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để Nhà nước quản lý thống nhất toàn bộ đất đai theo hiến pháp và pháp luật, đảm bảo đất đai được sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả cao nhất. Quy hoạch đất đai là tổ hợp các biện pháp kinh tế kỹ thuật, pháp chế Nhà nước về tổ chức sử dụng đất đai đầy đủ, hợp lý và có hiệu quả, thông qua việc phân phối quỹ đất của nhà nước nhằm tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả sản xuất sử dụng đất, bảo vệ đất, bảo vệ môi trường. Việc lập quy hoạch sử dụng đất có ý nghĩa rất lớn trong việc đưa nền kinh tế của thành phố Điện Biên Phủ theo đúng định hướng phát triển.

Nhận thấy rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với việc thúc đẩy sự phát triển đi lên một cách đồng bộ, thống nhất hài hoà giữa các mặt của địa phương. Thực hiện sự chỉ đạo của

Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, cùng với sự giúp đỡ, phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tổ chức triển khai lập ***“Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên”***.

Nhằm đảm bảo chủ động được quỹ đất có phương án quy hoạch khoa học hợp lý đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, người dân và doanh nghiệp, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong giai đoạn 2021 - 2030, khai thác tiềm năng, lợi thế của thành phố Điện Biên Phủ, đồng thời sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững. Việc xây dựng báo cáo chuyên đề ***“Chuyên đề thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên”*** một cách chuyên sâu và cụ thể là hết sức cần thiết hoàn toàn phù hợp.

## **2. Cơ sở pháp lý lập quy hoạch**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 815/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về Giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) của tỉnh Điện Biên;
- Quyết định số 555/QĐ-TTg ngày 16/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;



- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 3131/QĐ-BCT ngày 15/8/2017 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV;

- Quyết định số 2501/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2031 và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;

- Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 05/8/2011 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đến năm 2030, tầm nhìn 2050;

- Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04/02/2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch phân khu đa chức năng dọc trục đường 60m thuộc Khu đô thị mới phía Đông thành phố Điện Biên Phủ;

- Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm hành chính chính trị tỉnh thuộc Khu đô thị mới phía Đông thành phố Điện Biên Phủ;

- Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch phân khu Trung tâm thương mại dịch vụ, văn hóa thuộc Khu đô thị mới phía Đông thành phố Điện Biên Phủ;

- Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu trung tâm hiện hữu thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đa chức năng dọc trục đường 60m, thành phố Điện Biên Phủ;

- Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 - (Hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp và hạ áp sau các trạm 110 kV);

- Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm hiện hữu thành phố Điện Biên Phủ từ đồi E đến cầu trắng;

- Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt phương án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng 2030;

- Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024;

- Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ;

- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Điện Biên Phủ;

- Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2021 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2021, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và dự toán ngân sách năm 2021;

- Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu vực dọc trục đường Võ Nguyên Giáp đến sông Nậm Rốm thuộc phường Nam Thanh thành phố Điện Biên Phủ và khu vực phía tây sông Nậm Rốm thuộc xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên;

- Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 08/06/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt bổ sung danh mục các dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

- Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 Khu vực phía Bắc thành phố Điện Biên Phủ gắn với quy hoạch Cảng hàng không Điện Biên;

- Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển Nhà ở trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Điện Biên quyết định phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2030 cho các huyện, thị xã, thành phố;

- Thông báo Thẩm định số 1633/TB-HĐTĐQHSDĐ ngày 16/11/2021 của Hội đồng thẩm định QHSD đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện về kết quả thẩm định quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Điện Biên Phủ;

- Văn bản số 2564/UBND-TNMT ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND thành phố Điện Biên Phủ về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Điện Biên Phủ.

### **3. Mục đích**

- Phân định rõ và cụ thể các khu chức năng trong phương án quy hoạch sử dụng đất từ đó hình thành hệ thống các khu chức năng trên địa bàn thành phố;

- Là cơ sở để xác định chỉ tiêu sử dụng đất chi tiết tới từng khu chức năng;

- Các bản đồ chuyên đề tạo ra cái nhìn đa dạng về các chuyên đề, từ tổng quan đến chi tiết góp phần tăng cường quản lý quy hoạch trên địa bàn cho các cơ quan, chức năng.

## **PHẦN I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên**

##### **1.1.1. Vị trí địa lý**

Thành phố Điện Biên Phủ là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế - văn hóa của tỉnh Điện Biên. Tổng diện tích tự nhiên của thành phố là 30.657,79 ha (số liệu thống kê đất đai năm 2020). Có địa giới hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Mường Chà;
- Phía Đông Nam giáp huyện Điện Biên Đông;
- Phía Đông giáp huyện Mường Ảng;
- Phía Tây và phía Nam giáp huyện Điện Biên.

Là thành phố miền núi có các tuyến Quốc lộ 12 và Quốc lộ 279, 279B chạy qua thông suốt với tỉnh Sơn La và tỉnh Lai Châu. Có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng cả về kinh tế, chính trị và Quốc phòng - An ninh, là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng giao thông với các huyện, tỉnh lân cận.

##### **1.1.2. Địa hình, địa mạo**

Địa hình thành phố chủ yếu là dạng địa hình đồi núi và đồng bằng nghiêng dần theo hướng Bắc - Nam, Đông - Tây. Do ảnh hưởng của hoạt động kiến tạo địa chất nên địa hình bị chia cắt, cấu trúc núi cao, đồi và đồng bằng. Độ cao trung bình từ 488 - 1.130 m so với mực nước biển. Núi ở đây bị bào mòn mạnh thành những thung lũng và đồng bằng: Địa hình của thành phố Điện Biên Phủ dốc thoải dọc theo hướng Bắc - Nam, Đông - Tây. Địa hình thành phố Điện Biên Phủ có 2 dạng chính:

- Địa hình đồi núi cao trên 600 m: Đây là kiểu địa hình đặc trưng của thành phố Điện Biên Phủ, chiếm trên 70% diện tích tự nhiên, phân bố ở hầu hết các xã, phường trên địa bàn thành phố. Nhìn chung dạng địa hình này phức tạp, gây khó khăn trong việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Địa hình thung lũng và đồng bằng: Đây là loại địa hình nằm dọc theo sông Nậm Rôm ở phía Tây Nam thành phố, có tiềm năng về sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt có cánh đồng bằng phẳng quy mô từ 50 - 100 ha thuộc địa bàn các phường Nam Thanh và Thanh Trường. Đây là nơi tập trung dân cư và sản xuất lương thực (lúa nước) của toàn thành phố.

### ***1.1.3. Khí hậu***

Khí hậu thành phố Điện Biên Phủ là khí hậu nhiệt đới, gió mùa vùng cao, mùa Đông lạnh mưa ít; mùa Hè nóng mưa nhiều với các đặc tính diễn biến bất thường, phân hoá đa dạng, ít chịu ảnh hưởng của bão, chịu ảnh hưởng của gió tây khô và nóng.

\* *Nhiệt độ không khí*: Nhiệt độ bình quân năm là 24,65<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí bình quân cao nhất vào tháng 5 là 29,28<sup>0</sup>C và thấp nhất vào tháng 12 là 17,55<sup>0</sup>C. Trong năm có khoảng 170 ngày nóng và 100 ngày lạnh. Tổng tích ôn cả năm là 8.021<sup>0</sup>C. Chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm khoảng 9 - 10<sup>0</sup>C ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của con người cũng như cây trồng và vật nuôi.

\* *Lượng mưa*: Tổng lượng mưa năm là 1.870 mm, phân bố không đều, vùng núi lượng mưa có thể lên đến 1.900 mm/năm. Lượng mưa phân theo 2 mùa rõ rệt:

Mùa mưa nhiều: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 8. Lượng mưa lớn nhất là tháng 6: 397 mm.

Mùa mưa ít (mùa khô hạn): Các tháng khô hạn bắt đầu từ tháng 11 năm trước tới tháng 4 năm sau Tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 2: 7 mm.

\* *Độ ẩm không khí*: Độ ẩm không khí bình quân năm là 80%.

\* *Chế độ gió*

Trên địa bàn thành phố xuất hiện nhiều hướng gió trong năm. Trong đó thịnh hành là hướng gió Tây và Tây - Bắc. Tốc độ gió trung bình từ 0,4 đến 0,7 m/s. Gió Tây thường gây ra khô nóng, ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người, cây trồng, gia súc.

*\* Số giờ nắng*

Tổng số giờ nắng trên địa bàn thành phố là 2.376 giờ, tháng có số giờ nắng nhiều nhất là tháng 5 với 270 giờ nắng; thấp nhất là tháng 7 với 105 giờ nắng.

**1.1.4. Thủy văn**

Hệ thống sông suối trên địa bàn thành phố thuộc lưu vực sông Mê Kông, do chịu ảnh hưởng của địa hình nên các suối không liên tục mà bị chia cắt thành từng đoạn, hệ thống các suối chính ở đây có hướng chảy phụ thuộc theo địa hình từng khu vực. Trên địa bàn thành phố có sông Nậm Rốm, suối Nậm Khẩu Hu có lưu lượng dòng chảy lớn nhất vào các tháng 6, 7, 8, 9, 10.

Ngoài ra, trên địa bàn còn có hệ thống các suối nhỏ phân bố theo các khe hợp thủy của các dãy núi, các suối này bắt nguồn từ các đồi núi cao đổ ra suối chính, tuy nhiên do địa hình dốc nên khả năng giữ nước kém, vào mùa khô mực nước ở các suối lớn thường xuống rất thấp. Vào mùa khô hệ thống các suối trên địa bàn có lượng nước dự trữ thấp, việc thiếu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thường xuyên xảy ra, cần thiết phải có sự đầu tư cho các hệ thống hồ, đập thủy lợi để tích trữ các nguồn tự nhiên, khai thác và sử dụng nguồn nước một cách khoa học và tiết kiệm mới đem lại hiệu quả.

**1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên**

**1.2.1. Tài nguyên đất**

*\* Nước mặt:*

Phụ thuộc vào nguồn nước mưa và lượng nước ở các sông suối, hồ Huổi Phạ và hệ thống kênh thủy nông Nậm Rốm đã được đầu tư đưa vào sử dụng. Lượng nước khai thác sử dụng trong sản xuất và sinh hoạt chủ yếu được lấy từ nguồn nước mặt này. Địa bàn thành phố Điện Biên Phủ nằm trong phạm vi đầu nguồn của lưu vực sông Mê Kông.

*\* Nước ngầm:* Có trữ lượng khá, chất lượng tốt, là nước khe mạch nứt trong các khe đá, nước có độ tổng khoáng hoá nhỏ và ít biến động theo mùa, loại hình hoá học của nước phổ biến là bicacbonat-clorua hoặc clorua-bicacbonat, nồng độ các vi nguyên tố đều rất nhỏ và nhỏ hơn giới hạn cho phép. Nguồn nước ngầm được nhân dân sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày.

### **1.2.2. Tài nguyên nước**

Thành phố Điện Biên Phủ bao gồm 05 nhóm đất chính với 11 loại đất, cụ thể như sau:

#### **\* Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi**

Diện tích: 16.370,49 ha, nhóm đất này phân bố ở độ cao từ 900 - 1.800 m, có khí hậu lạnh và ẩm, thảm thực vật nhìn chung còn tốt so với vùng thấp. Nhóm đất này có 4 loại đất chính:

- Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit (Ha): 11.778,68 ha, phân bố trên địa bàn xã Thanh Minh, Mường Phăng, Pá Khoang, Nà Tấu và Nà Nhạn.

- Đất mùn vàng nhạt trên đá cát (Hq): 167,80 ha, phân bố trên địa bàn phường Nam Thanh, xã Thanh Minh và xã Pá Khoang.

Đất hình thành trong điều kiện địa hình cao, chia cắt mạnh, dốc nhiều, nhiệt độ thấp. Mưa nhiều và tập trung vào mùa hè nên đất bị rửa trôi, xói mòn mạnh, tầng phong hoá mỏng. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, cấp hạt thô chiếm tỷ lệ lớn. Kết quả phân tích thành phần cơ giới cho thấy quá trình rửa trôi cấp hạt sét xảy ra mạnh, sét tăng dần theo chiều sâu. Đất rất chua toàn phẫu diện. Hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt cao, giảm đột ngột xuống các tầng dưới. Các chất tổng số: đạm và lân khá, kali trung bình. Các chất dễ tiêu: lân trung bình, kali khá. Tổng lượng cation kiềm trao đổi rất thấp.

Loại đất này chủ yếu dành cho phát triển lâm nghiệp (Bảo vệ rừng đầu nguồn, chống xói mòn), kết hợp trồng một số cây lâu năm, cây đặc sản có giá trị kinh tế. Những nơi có độ dốc < 15° nên thiết kế các nương bậc thang để luân canh giữa cây họ đậu, cây lương thực và cây lấy sợi. Quy hoạch các vùng có tầng đất dày trên các cấp độ dốc thích hợp để phát triển cây công nghiệp dài ngày.

- Đất mùn đỏ vàng trên đá sét (Hs): 4.279,27 ha, phân bố trên địa bàn xã Nà Tấu, Pá Khoang và Nà Nhạn.

Kết quả phân tích phẫu diện chất đất cho thấy cấp hạt sét bị rửa trôi theo chiều sâu phẫu diện khá rõ. Hàm lượng chất hữu cơ tích lũy ở tầng mặt cao, giảm đột ngột xuống các tầng dưới. Mức độ phân giải chất hữu cơ yếu. Đất có phản ứng chua ở tầng mặt, các tầng dưới rất chua. Đạm và lân tổng số thường ở



mức từ khá đến giàu. Kali tổng số và dễ tiêu ở mức từ trung bình đến khá. Lân dễ tiêu nghèo. Tổng lượng cation kiềm trao đổi rất thấp.

Đây là loại đất thích hợp với các cây lâu năm, cây đặc sản, cây dược liệu,...

- Đất mùn đỏ vôi trên đá nâu (Hv): 144,74 ha, phân bố trên địa bàn xã Nà Tấu.

**\* Nhóm đất đỏ vàng**

Diện tích: 10.141,40 ha, đất hình thành trên sản phẩm phong hóa của các loại đá mẹ khác nhau. Nhóm đất này có 4 loại đất chính:

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa): 4.595,56 ha, phân bố trên địa bàn xã Thanh Minh, Nà Nhạn, Nà Tấu, Mường Phăng.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp): 683,33 ha, phân bố chủ yếu trên địa bàn phường Thanh Trường, Nam Thanh và Him Lam.

- Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất (Fs): 4.388,73 ha, phân bố trên địa bàn xã Thanh Minh, Nà Tấu, Mường Phăng, Nà Nhạn và phường Nam Thanh.

Đất có cấu trúc khá, thành phần cơ giới thịt trung bình - nặng, càng xuống sâu tỷ lệ sét càng cao. Mức độ feralit từ trung bình đến mạnh và có xu hướng giảm dần theo độ cao. Phản ứng của đất chua toàn phần diện. Hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt khá, giảm nhanh xuống các tầng dưới. Các chất tổng số: đạm và lân khá, kali trung bình. Các chất dễ tiêu: lân nghèo, kali khá. Tổng lượng cation kiềm trao đổi và dung tích hấp thu thấp.

Đây là loại đất có hàm lượng dinh dưỡng khá, tầng đất dày > 50 cm chiếm diện tích đa số; cần được sử dụng hợp lý để phát triển nông lâm nghiệp. Loại đất này phân bố ở độ dốc < 8° rất thích hợp phát triển hoa màu lương thực; ở độ dốc 8 - 15° thích hợp phát triển các cây lâu năm như chè và cây ăn quả. Các vùng đất dốc 15 - 25° nên bố trí trồng cây dài ngày theo mô hình nông lâm kết hợp. Đất tầng mỏng, dốc > 25° bố trí khoanh nuôi phục hồi lại rừng tái sinh.

- Đất đỏ nâu trên đá vôi (Fv): 473,78 ha, phân bố trên địa bàn xã Thanh Minh, Nà Nhạn và phường Thanh Trường.

Đất có thành phần cơ giới trung bình-nặng, tầng đất mỏng (< 50 cm). Phản ứng đất chua toàn phần diện. Hàm lượng chất hữu cơ ở 2 tầng mặt cao, các tầng

dưới trung bình. Các chất tổng số: đạm và lân giàu, kali nghèo. Các chất dễ tiêu: lân nghèo, kali khá. Tổng lượng cation kiềm trao đổi rất thấp.

Đây là loại đất có hàm lượng dinh dưỡng khá, nhưng phân bố trên địa hình dốc ( $> 25^\circ$ ), tầng đất mỏng; cần chú ý khoanh nuôi bảo vệ rừng.

\* ***Nhóm đất phù sa:*** Có 01 loại đất chính là đất phù sa ngòi suối (Py) có diện tích 14,76 ha. Phân bố trên địa bàn xã Thanh Minh và phường Him Lam, đất thường có địa hình không bằng phẳng do tốc độ dòng chảy lớn, sản phẩm phù sa thô hơn vùng hạ lưu nên đất thường có thành phần cơ giới nhẹ lẫn nhiều sỏi sạn và các sản phẩm hữu cơ khác. Phản ứng của đất chua ở tầng mặt, các tầng dưới ít chua - trung tính. Hàm lượng chất hữu cơ ở tầng mặt trung bình, các tầng dưới thấp. Các chất tổng số: đạm trung bình, lân giàu, ka li nghèo. Các chất dễ tiêu đều nghèo. Tổng lượng cation kiềm trao đổi thấp.

Nhóm đất này thuộc loại đất tốt, cần được sử dụng triệt để vào sản xuất nông nghiệp nhằm phát triển các loại cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

\* ***Nhóm đất mùn trên núi cao:*** Có 01 loại đất chính là đất mùn vàng nhạt trên núi cao (A) có diện tích 365,59 ha. Phân bố trên địa bàn xã Nà Nhạn và Nà Tấu.

\* ***Nhóm đất thung lũng:*** Có 01 loại đất chính là đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D) có diện tích 881,51 ha. Phân bố trên địa bàn xã Pá Khoang và Mường Phăng.

Như vậy, phần lớn quỹ đất của thành phố Điện Biên Phủ thích hợp cho phát triển lâm nghiệp và cây trồng hàng năm khác. Quỹ đất phù hợp cho phát triển nông nghiệp hạn chế, vì vậy cần chú trọng việc áp dụng các kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để nâng cao chất lượng và năng suất cây trồng. Phát huy tối đa khả năng quỹ đất thích hợp để phát triển các cây dài ngày theo phương thức nông lâm kết hợp, đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững. Việc mở rộng quỹ đất cho phát triển cây lương thực và hoa màu phải đi đôi với phát triển thủy lợi, giữ nước cho đất và các biện pháp bảo vệ và cải tạo đất... nhằm phát triển bền vững.

### ***1.2.3. Tài nguyên rừng***

Tổng diện tích đất rừng toàn thành phố Điện Biên Phủ (*số liệu thống kê đất đai năm 2020*) là 13.309,19 ha, độ che phủ rừng của thành phố là 43,41%

(trong đó: đất rừng phòng hộ 7.297,40 ha; đất rừng đặc dụng 2.316,05 ha; đất rừng sản xuất 3.695,74 ha).

Gỗ quý và có giá trị kinh tế trên địa xã Pá Khoang và Mường Phăng không còn nhiều. Ngoài ra còn các loại hình cây bụi, cây gỗ rải rác, tre nứa. Động vật rừng trên địa bàn hầu như không còn như: khỉ, hoẵng, lợn rừng, một số loài chim quý mà chỉ còn một số loài chim, gà rừng. Cùng với việc mất rừng do nhân dân khai thác và chuyển sang trồng cây ăn quả lâu, dẫn đến mất cân bằng sinh thái rừng, diện tích đất rừng trên địa bàn thành phố giảm và giá trị rừng thấp. Tuy nhiên cho tới nay, thành phố đã làm tốt công tác khoanh nuôi, bảo vệ, giao đất giao rừng cho các hộ gia đình. Trong những năm tới cần có sự quản lý giữa đất di tích với việc trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây rừng có giá trị và hiệu quả kinh tế.

#### ***1.2.4. Tài nguyên nhân văn***

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, các dân tộc trên địa bàn thành phố luôn kề vai sát cánh với quân dân cả nước chống giặc ngoại xâm, đồng thời năng động sáng tạo, có ý chí tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, kế thừa và phát huy những kinh nghiệm, thành quả đạt được trong lao động sản xuất.

Lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất và con người trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Điện Biên. Cộng đồng các dân tộc ở thành phố Điện Biên Phủ có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống như: Dân tộc Hmông, dân tộc Thái, dân tộc Kinh, dân tộc Khơ mú, dân tộc Hoa, còn lại là các dân tộc khác như Mường, Thổ, Dao, Mảng, Sán diu ..., với những tập quán truyền thống riêng của từng dân tộc đã hình thành nên một nền văn hoá đa dạng, phong phú và có những nét độc đáo, giàu tính nhân văn sâu sắc. Sự đa dạng của văn hóa, nghệ thuật dân gian về cơ bản vẫn được bảo tồn và lưu truyền cho đến ngày nay, được thể hiện qua các truyện cổ tích, thần thoại, ca dao, tục ngữ, câu đối, hát ru, các làn điệu dân ca. Mỗi dân tộc có những nét văn hoá đặc trưng riêng gắn với nhiều nghề truyền thống như: nghệ thuật tạo hình trên thổ cẩm của người Thái; nghệ thuật thêu, vẽ hoa văn của người Mông, nghệ thuật tranh trổ trên giấy, chạm khắc bạc, hàng mây, tre đan và đồ trang sức thể hiện sinh động đặc sắc của đời sống tinh thần của mỗi dân tộc,...

### **1.3. Phân tích hiện trạng môi trường**

Là thành phố miền núi đặc trưng có các khu dân cư đô thị xen kẽ với các đồi cây, đồi di tích do vậy mật độ dân số của thành phố tương đối thấp. Tuy nhiên, cùng với tốc độ phát triển của đô thị thì vấn đề môi trường cũng gặp phải những thách thức.

#### **- Môi trường đất:**

Do là thành phố miền núi địa hình dốc, mật độ che phủ của rừng và thảm thực vật còn hạn chế nên việc rửa trôi, sỏi mòn sạt lở đất do mưa, gió là rất lớn cùng với tập quán canh tác lúa nương vẫn đang tồn tại, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học quá mức là nguyên nhân gây thoái hóa, ô nhiễm môi trường đất.

#### **- Môi trường nước mặt:**

Kết quả phân tích cho thấy chất lượng nước mặt trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ từ kết quả chung của tỉnh Điện Biên thể hiện cụ thể như sau:

+ *Đặc tính tự nhiên*: nhìn chung nguồn nước mặt tại các sông suối, hồ đều có môi trường trung tính, độ pH dao động trong khoảng 6,63 - 7,73. Hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước còn tương đối thấp, có một số khu vực vượt so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường TCVN 5942:1995 (loại A), nhưng hầu hết các vị trí trong hai đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép đối với nguồn loại B.

+ *Chỉ tiêu hữu cơ*: Qua kết quả quan trắc cho thấy nồng độ các chất hữu cơ trong nước mặt hiện nay còn khá thấp, một số vị trí như sông Nậm Rốm có giá trị COD, BOD<sub>5</sub> vượt nhẹ (trung bình từ 1,25 đến 3,75 lần) so với TCVN 5942-1995 đối với nguồn loại A. Trong đó giá trị BOD<sub>5</sub>, COD cao nhất tại sông Nậm Rốm khu vực chảy qua thành phố Điện Biên Phủ. Nguyên nhân chủ yếu là hàng ngày khúc sông này phải tiếp nhận một khối lượng lớn nước thải sinh hoạt từ các công xả của thành phố. Tuy nhiên, mức độ vượt chưa đáng kể. Đồng thời, hầu hết tại các vị trí nồng độ DO trong nước còn rất cao, tất cả đều đạt so với TCVN 5942:1995 (A).

+ *Chỉ tiêu dinh dưỡng*: Kết quả quan trắc cho thấy nguồn nước mặt có hàm lượng các chất dinh dưỡng phân bố không đều theo thời gian và không

gian. Nồng độ Amoni tại một số vị trí vượt so với TCVN 5942 - 1995 (loại A), đặc biệt nồng độ Amoni trong nước tại hồ Huổi Phạ có giá trị cao vượt quá giới hạn cho phép 47,2 so với (loại A) và 2,36 lần so với chất lượng nước loại B. Các chỉ tiêu Nitrat và Nitrit cũng có sự biến thiên không đều theo thời gian, nồng độ Nitrat trong nước tại các vị trí hầu như còn thấp đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ trừ một số vị trí như sông Nậm Rốm vào thời gian đầu năm có giá trị Nitrat vượt quá giới hạn nước so với nguồn loại A, nhưng vẫn còn nằm trong giới hạn đối với TCVN 5942 - 1995 (B).

+ *Kim loại nặng*: Qua kết quả quan trắc đánh giá chất lượng nước nhận thấy hầu hết hàm lượng sắt tổng đều nằm trong giới hạn cho phép đối với TCVN 5942:1995 (A). Khu vực sông Nậm Rốm chảy qua thành phố Điện Biên Phủ vượt so với tiêu chuẩn A. Ngoài ra, hàm lượng chì cũng được phát hiện thấy có trong môi trường nước, tuy nhiên nồng độ vẫn còn thấp, chưa vượt giới hạn cho phép đối với TCVN 5942:1995 (loại A).

+ *Chỉ tiêu vi sinh*: Giá trị tổng Coliform trong nước mặt tại một số khu vực tuy vượt quá giới hạn cho phép đối với nguồn nước loại A nhưng nhìn chung vẫn chưa biểu hiện rõ sự ô nhiễm nguồn nước.

*\* Nhận xét chung*

Hiện nay quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa tại thành phố Điện Biên Phủ phát triển, nhưng lượng chất thải phát sinh ra môi trường chưa nhiều, thành phần chất thải không phức tạp, trong khi đó khả năng tự làm của môi trường nước còn cao, nên chất lượng nước mặt chưa bị ảnh hưởng nhiều. Nhìn chung chất lượng nước vẫn còn ở môi trường trung tính, nồng độ các chỉ tiêu như TSS, BOD5, COD, sắt, vi sinh tại một số khu vực chỉ vượt nhẹ so với TCVN 5942 - 1995 đối với nguồn loại A. Ngoại trừ một số khu vực, do tiếp nhận trực tiếp nguồn nước thải sinh hoạt đô thị phát sinh và do sự thiếu ý thức của người dân trong việc xả chất thải rắn vào dòng nước đã gây ra tình trạng ô nhiễm cục bộ và gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống, mỹ quan đô thị tại khu vực đó.

Tại thành phố Điện Biên Phủ, khu vực nước thải trực tiếp ra sông Nậm Rốm như khu vực cống xả của thành phố, môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, các chỉ tiêu hầu như đều vượt cao so với tiêu chuẩn cho phép, màu nước đã có

nhiều thay đổi. Tuy nhiên, sự ô nhiễm này chỉ mang tính cục bộ tại một số khu vực, so với lưu lượng dòng chảy của sông thì lưu lượng nước thải vẫn còn rất nhỏ, khi được nước sông pha loãng nồng độ các chất ô nhiễm trong nước không còn đáng kể.

**- Môi trường nước thải:**

Nước thải sinh hoạt tại thành phố Điện Biên Phủ hiện nay do Nhà máy xử lý nước thải của thành phố Điện Biên Phủ xử lý với công suất thiết kế là 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tuy nhiên, hiện tại đường ống thu gom nước thải sinh hoạt mới đạt công suất khoảng 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, điều này gây ô nhiễm môi trường cục bộ tại một số khu vực trên sông, suối, ... của thành phố. Do vậy cần đầu tư xây dựng bổ sung đường ống để vận hành nhà máy đảm bảo công suất thiết kế, giảm ô nhiễm môi trường nước.

Đồng thời, hệ thống thu gom và thoát nước chưa đồng bộ, nhiều tuyến xây dựng chưa hoàn chỉnh, khả năng thu thoát không đáp ứng được lượng nước thải cần thoát cho từng khu vực. Hơn nữa hệ thống thu thoát đang bị xuống cấp nghiêm trọng, nhiều đoạn cống bị sập, các rãnh bị tắc chứa đầy cát, đá và phân rác do các hộ dân thải trực tiếp ra cống rãnh. Chính những nguyên nhân này đã làm cho hệ thống thu thoát nước ở thành phố Điện Biên Phủ đã và đang bị xuống cấp nghiêm trọng làm ứ đọng, ùn tắc nước thải gây ô nhiễm môi trường đô thị.

**- Chất thải y tế:**

Rác thải y tế luôn là vấn đề đáng lo ngại của các bệnh viện và cộng đồng. Chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên, bao gồm chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và nước thải y tế. Trước đây, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên xử lý chất thải nguy hại bằng lò đốt 2 buồng nhưng phương pháp này vẫn gây ra khói bụi và mùi hôi. Trước tình trạng các lò đốt chất thải y tế đang hoạt động hiện nay đã xuống cấp, không được bảo dưỡng định kỳ, thiếu linh kiện thay thế. Để xử lý hiệu quả chất thải y tế nguy hại tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên đã áp dụng công nghệ xử lý mới vào triển khai, sử dụng lò hấp ở nhiệt độ cao kết hợp với cắt nghiền chất thải sau khi tiệt trùng để trở thành rác thải thông thường. Mỗi lần vận hành có

thể xử lý từ 40 – 60 kg chất thải y tế nguy hại, trong quá trình hoạt động đảm bảo vệ sinh, an toàn với môi trường. Việc phân loại chất thải y tế tại nguồn giúp cho quá trình thu gom phân loại chất thải y tế được đảm bảo, chất thải y tế nguy hại được để riêng với các chất thải y tế thông thường. Ngoài ra, các túi đựng rác thải y tế chuyên dụng đã được quy định về màu sắc. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhằm nâng cao công tác quản lý chất thải y tế nguy hại để góp phần đảm bảo môi trường y tế tỉnh Điện Biên ngày càng xanh - sạch - đẹp hơn.

Như vậy cho đến năm 2020 thì vấn đề xử lý chất thải y tế tại Bệnh viện Đa khoa Điện Biên cũng như các cơ sở y tế, phòng khám trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ cơ bản đã được thu gom, phân loại và xử lý đúng theo quy trình đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng các lò hấp, máy nghiền cắt cũng sẽ bị xuống cấp cần được sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thay thế bằng các công nghệ máy móc khác thay thế để đảm bảo hiệu suất xử lý chất thải y tế trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

**- Môi trường không khí:**

Hiện tại các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ chủ yếu gồm: Hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, sản xuất nông nghiệp, chôn lấp và xử lý chất thải. Trong đó:

+ Hoạt động giao thông vận tải được xem là một trong những nguồn gây ô nhiễm lớn đối với môi trường không khí, các chất gây ô nhiễm không khí chủ yếu sinh ra do khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu động cơ bao gồm: CO, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NOX, Pb, ... và bụi do đất cát cuốn bay theo trong quá trình di chuyển.

+ Nguồn gây ô nhiễm do hoạt động nông nghiệp lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng phân bón không tuân thủ theo nguyên tắc gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người.

+ Bên cạnh đó, hoạt động chôn lấp và xử lý chất thải từ bãi rác lộ thiên. Dưới tác động của nhiệt độ, độ ẩm và vi sinh vật chất thải rắn hữu cơ bị phân hủy và sản sinh ra các khí CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>, và một số khí khác. Ước tính lượng khí CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub> phát sinh từ các bãi rác lộ thiên và bãi chôn lấp khoảng từ 3 - 19% tổng lượng phát sinh. Tại nhiều nơi đã và đang diễn ra các hoạt động đốt rác tùy

tiện, gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại những thời điểm nhất định.

Theo kết quả quan trắc môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ năm 2016 đến năm 2019 cho thấy, nồng độ SO<sub>2</sub> tại các trung tâm thành phố Điện Biên Phủ từ năm 2016 đến năm 2019 dao động từ 0,012 – 0,067 mg/m<sup>3</sup> và có chiều hướng giảm dần theo các năm, đa số nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 05:2013/BTNMT. Nồng độ NO<sub>2</sub> dao động từ 0,012 – 0,078 mg/m<sup>3</sup> duy trì ở mức tương đối ổn định. Nồng độ Pb tương đối ổn định nằm ở mức thấp < 0,00016 mg/m<sup>3</sup>. Như vậy chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Điều này chứng minh chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ là tương đối tốt, đảm bảo môi trường sống cũng như sức khỏe cho người dân. Tuy nhiên, cần thường xuyên quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường phối hợp với chính quyền và các tổ chức hội, đoàn thể tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về việc bảo vệ môi trường.

**- Thực trạng về đa dạng sinh học:**

Thành phố Điện Biên Phủ đang có dấu hiệu suy giảm do tốc độ đô thị hóa của thành phố những năm gần đây dẫn đến các quỹ đất tại khu vực đồng bằng đã gần hết do đó chuyển sang khai thác quỹ đất rừng. Từ đó làm thay đổi môi trường sinh thái của một số loài động thực vật, tuy nhiên vẫn ở mức độ kiểm soát được.

Đặc biệt, đối với xã Mường Phăng và Pá Khoang đã thành lập khu bảo tồn sinh - loài cảnh cấp Quốc gia với mục đích bảo tồn và phát triển sự phong phú của hệ sinh thái rừng và hệ sinh thái đất ngập nước hồ Pá Khoang.

**- Việc thu gom xử lý rác thải:**

Trong những năm qua việc thu gom xử lý rác thải đã được các cấp các ngành của thành phố quan tâm triển khai thực hiện nhưng chưa triệt để. Tổng số lượng rác thải phát sinh hàng ngày được thu gom và chôn lấp là 55 tấn/ngày.



Sau khi chôn lấp có phun thuốc diệt khuẩn có hại, ruồi, khử mùi đồng thời đắp đất trên bề mặt theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường. Thế nhưng thực tế hiện nay rác được thu gom chỉ được xử lý bằng hình thức chôn lấp do chưa có nhà máy xử lý rác hợp vệ sinh.

#### **1.4. Đánh giá chung**

##### ***1.4.1. Thuận lợi***

Trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ có Quốc lộ 279, 279B, quốc lộ 12 chạy qua là điều kiện thuận lợi cho thành phố trong việc giao lưu hàng hóa, tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến vào sản xuất và đời sống, là điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Địa hình đa dạng, khí hậu theo mùa, nguồn tài nguyên dồi dào là điều kiện thuận lợi để đa dạng hóa cây trồng, phát triển kinh tế rừng và nền nông nghiệp hàng hóa.

Tài nguyên du lịch, nhân văn, cùng các di sản di tích lịch sử là yếu tố thuận lợi cho phát triển ngành du lịch của thành phố.

##### ***1.4.2. Khó khăn, hạn chế***

Tình hình biến đổi khí hậu gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như: mưa lớn gây lũ quét, sạt lở đất trong những năm qua gây thiệt hại tài sản, cây cối, hoa màu của nhân dân và ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân trên địa bàn thành phố.

Địa hình núi cao, chia cắt, độ dốc lớn, dân cư phân tán, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước vẫn còn tồn tại ở một bộ phận người dân; sản xuất nhỏ lẻ, manh mún.

## **II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI**

### **2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội**

#### ***2.1.1. Tăng trưởng kinh tế***

Năm 2020, là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, ngay từ đầu năm UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, đối chiếu với các mục tiêu về Kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI đề ra

đề phân đầu hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội; căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 20/12/2020; nghị quyết số 06/07/NQ-HĐND, ngày 29/07/2020 của HĐND thành phố Điện Biên Phủ về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2020, UBND đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết đề ra, kết quả đạt được với từng chỉ tiêu:

1. Thu nhập bình quân đầu người theo giá thực tế đạt 52 triệu đồng/người/năm.
2. Tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế:
  - + Thương mại - Dịch vụ - Du lịch: 63,91% (tăng 1,86%);
  - + Công nghiệp - Xây dựng: 30,81% (giảm 3,43%);
  - + Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản: 5,28% (tăng 1,56%).
3. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 5.952,75 tỷ đồng, đạt 104,43 % kế hoạch (*giảm 234,52 tỷ đồng so với năm 2012*).
4. Giá trị sản xuất CN - TTCN ước 1.246,68 tỷ đồng, đạt 100,95% kế hoạch (*tăng 158,52 tỷ so với năm 2019*).
5. Tổng giá trị xây dựng cơ bản trên địa bàn đạt 1.623,25 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch (tăng 19, 25 tỷ so với năm 2019).
6. Phát hiện kịp thời 187 trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, xử lý 150 trường hợp. Vận động 3.600/5.900 trường hợp vi phạm lấn chiếm hành lang, vỉa hè tự tháo dỡ phần vi phạm.
7. Tổng giá trị sản xuất Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản đạt 491,372 tỷ đồng, đạt 144,1% kế hoạch.
8. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 263 tỷ đồng, đạt 81,96% KH thành phố giao, đạt 90,55% KH tỉnh giao.
9. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 43,73%.
10. Duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp. Huy động 99,9% trẻ trong độ tuổi vào lớp 1. Học sinh tiểu học chuyên lớp đạt 99,9%.  
Học sinh THCS chuyển lớp đạt 99,9%. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

11. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Có 11/12 xã, phường đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020, đạt 100% Kế hoạch.

12. Năm 2020, toàn thành phố có 92% tổ dân phố, bản, cụm dân cư, 90% gia đình và 99,2% cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa, 6/7 phường đạt chuẩn văn minh đô thị (đạt 85,7%); 4/5 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (đạt 80%).

13. Hỗ trợ giải quyết việc làm mới cho 2.598 lao động.

14. Tỷ lệ hộ nghèo ước giảm còn 0,32%.

15. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 11,4%.

16. Đảm bảo ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

*(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021).*

### **2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo chiều hướng tăng tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, giảm công nghiệp - xây dựng và thương mại, dịch vụ.

- Nông - lâm - thủy sản: Năm 2020 chiếm 5,28%, tăng 2,68% so với năm 2015 (2,6%).

- Công nghiệp - xây dựng: Năm 2020 chiếm 30,81%, giảm 1,29% so với năm 2015 (32,1%).

- Thương mại, dịch vụ: Năm 2020 chiếm 63,91%, giảm 1,39% so với năm 2015 (65,3%).

## **2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực**

### **2.2.1. Khu vực kinh tế nông - lâm nghiệp và thủy sản**

#### *\* Nông nghiệp*

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực năm 2020 là 4.012,962 ha trong đó diện tích lúa ruộng là 2.679,162 ha, năng suất bình quân đạt 59 tạ/ha, lúa nương 347 ha, năng suất 20 tạ/ha, ngô 1.016,8 ha, năng suất bình quân đạt 35,42 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 20.019,3

tấn, đạt 100,1% kế hoạch. Diện tích cây lấy củ có chất bột được trồng đạt 1.291,84 ha (*Diện tích cây sắn 698 ha, sản lượng đạt 6.466,23 tấn; diện tích cây dong 537,7 ha, sản lượng đạt 4.427,35 tấn; diện tích cây khoai lang, khoai sọ, khoai tây 56,14 ha, sản lượng đạt 662,34 tấn, tổng sản lượng đạt 11.555,92 tấn.*

- *Chăn nuôi*: Do bệnh dịch tả lợn Châu Phi tiếp tục xuất hiện trở lại trên địa bàn nên người dân chưa thực hiện tái đàn trở lại, tính từ đầu năm đến nay tổng số lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn phải tiêu hủy là 203 con với tổng trọng lượng 9,8 tấn thịt; do thực hiện sáp nhập các xã từ huyện Điện Biên về thành phố nên đàn đại gia súc, gia cầm trên địa bàn có sự tăng cao, thành phố hiện có 6.123 con trâu; 2.712 con bò; 15.112 con lợn và trên 461 nghìn con gia cầm.

- *Nuôi trồng thủy sản*: Chỉ đạo tăng cường phát triển nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học đảm bảo nguồn cung ứng thực phẩm trên địa bàn, theo dõi và quản lý chặt chẽ dịch bệnh, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản đảm bảo năng suất, chất lượng. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 là 973,09 ha, sản lượng khai thác và nuôi trồng ước đạt 1.265,2 tấn (sản lượng khai thác là 18,22 tấn, sản lượng nuôi trồng là 1.246,98 tấn), đạt 98,58% kế hoạch.

*\* Lâm nghiệp*

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường phối hợp hướng dẫn nhân dân làm tốt công tác chăm sóc và bảo vệ rừng trồng; thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng; thực hiện rà soát việc công bố quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, duy trì tỷ lệ che phủ rừng ở mức 43,73%. Năm 2020, Hạt Kiểm lâm thành phố đã xác lập 53 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, xử phạt và thu nộp ngân sách trên 383 triệu đồng: 01 vụ vi phạm các quy định về chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; 21 vụ khai thác trái pháp luật; 01 vụ vi phạm về hồ sơ thủ tục khai thác lâm sản có nguồn gốc hợp pháp; 21 vụ phá rừng trái pháp luật; 06 vụ mua bán cất giữ lâm sản trái với quy định của pháp luật; 01 vụ vi phạm các quy định về quản lý hồ sơ trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản.

- Chỉ đạo kiện toàn Ban chỉ huy Quản lý bảo vệ rừng và PCCCR năm 2020 ở 11 xã, phường; ban hành kế hoạch công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR năm 2020; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, quản lý kết quả lưu vực và diện tích rừng thuộc lưu vực Nhà máy thủy điện Thác Báy, Thác Trắng, Nà Lơi và hồ Pá Khoang để làm cơ sở thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; rà soát số liệu hệ thống thông tin chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố, phối hợp thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng.

### **2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

- Hoạt động sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp như sản xuất chế biến thực phẩm (các loại thực phẩm từ gạo, ngô, khoai, sắn...); sản xuất quần áo may sẵn; sản xuất gạch đất nung; gạch không nung; chế biến gỗ; khai thác cát, sỏi; sản xuất phân phối điện nước trên địa bàn thành phố năm 2020 tiếp tục phát triển ổn định, chất lượng sản phẩm, nguyên vật liệu hàng hóa ngày càng đáp ứng được nhu cầu của thị trường, thành phố hiện có 4 doanh nghiệp quốc doanh; 38 doanh nghiệp ngoài quốc doanh; 1 hợp tác xã và 812 hộ kinh doanh cá thể tham gia hoạt động trên lĩnh vực Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Phối hợp tổ chức nghiệm thu đề án khuyến công địa phương năm 2020 cho 01 đơn vị sản xuất, kinh doanh (*Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng Việt Á*) với tổng kinh phí hỗ trợ 300 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp năm 2020 ước đạt 1246,68 tỷ đồng, đạt 100,95% kế hoạch, tăng 158,52 tỷ đồng (tương đương 14,57%) so với năm 2019.

### **2.2.3. Khu vực kinh tế thương mại - dịch vụ - du lịch**

- UBND thành phố thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh do đó hoạt động lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch gặp nhiều khó khăn. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ năm 2020 trên địa bàn thành phố đạt 5.952,75 tỷ đồng (*Khu vực kinh tế quốc doanh đạt 831 tỷ đồng chiếm 13,96%, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 5.121,75 tỷ đồng*), giảm so với năm 2019 là 234,52 tỷ đồng (*tương đương 3,79%*), tuy nhiên vẫn tăng so với kế hoạch, đạt 104,43% kế hoạch.

- Cấp giấy chứng nhận kinh doanh cho 155 hộ (*cấp mới 105 hộ, cấp đổi 50 hộ và 04 giấy phép kinh doanh hợp tác xã*) và 04 hợp tác xã với tổng số vốn đăng ký 15,7 tỷ đồng phối hợp kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về hoạt động kinh doanh trên địa bàn được 232 lượt, phát hiện và xử lý 95 trường hợp vi phạm, nộp ngân sách nhà nước trên 98 triệu đồng. Các loại hình dịch vụ tiếp tục được duy trì và phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh thu từ các hoạt động dịch vụ đạt 1.483,71 tỷ đồng.

- Trên địa bàn thành phố hiện có 126 cơ sở lưu trú du lịch, 04 công ty lữ hành, 05 bản văn hóa du lịch, 01 khu du lịch sinh thái, 35 đền di tích lịch sử, 05 danh lam thắng cảnh đáp ứng nhu cầu khách đến tham quan du lịch. Năm 2020, thành phố có 200.000 lượt khách đến tham quan du lịch (*giảm 302.000 lượt khách so với năm 2019*), trong đó có 2520 lượt khách quốc tế (*giảm 4.738 lượt khách so với năm 2019*), tổng doanh thu từ du lịch ước đạt 237,6 tỷ đồng (*giảm 344,4 tỷ đồng so với năm 2019*).

*(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021)*

### **2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập**

#### **2.3.1. Y tế - Dân số - Trẻ em và Chữ thập đỏ**

- Dân số trung bình thành phố năm 2020 là 81.690 người, tăng 25.676 người so với năm 2015 (56.014 người) do sáp nhập 4 xã Nà Nhạn, Nà Tấu, Mường Phăng, Pá Khoang và điều chỉnh 1 phần diện tích xã Thanh Luông, Thanh Hưng của huyện Điện Biên vào thành phố Điện Biên Phủ.

**Bảng 1.1: Dân số giai đoạn (2015-2020)**

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Dân số trung bình (người)	56.014	57.205	58.521	59.847	58.793	81.690
2	Lao động việc làm (người)	2.035	1.813	2.234	2.230	2.155	2.598
3	Tỷ lệ sinh (%)	14,89	16,18	14,83	15,61	15,38	14,71
4	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (%)	11,04	11,82	11,04	11,61	11,5	11,4

- Tập trung giám sát các loại dịch bệnh, dịch bệnh theo mùa các chương trình mục tiêu y tế - dân số. Chú trọng đến chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Khám, tư vấn, điều trị cho 75.533 lượt người bệnh. Đã tổ chức thanh, kiểm tra 329 cơ sở kinh doanh có liên quan đến an toàn thực phẩm có nguy cơ cao, 77 cơ sở kinh doanh về hành nghề y, dược tư nhân. Kịp thời nhắc nhở và hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật cho 151 cơ sở kinh doanh có liên quan đến an toàn thực phẩm.

- Duy trì tốt các hoạt động truyền thông về dân số, gia đình, trẻ em. Xây dựng trạm y tế xã Pá Khoang đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và công nhận; tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí quốc gia về y tế tại các xã, phường. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người già cô đơn, người có hoàn cảnh khó khăn, các gia đình chính sách. Các hoạt động từ thiện, cứu trợ nhân đạo tiếp tục quan tâm. Đã tiếp nhận và trao tặng 89 xe lăn cho người khuyết tật. Vận động toàn dân tham gia hiến máu nhân đạo được 434 đơn vị máu phục vụ cứu người.

### ***2.3.2. Lao động Thương binh và xã hội***

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với người có công, đối tượng hưởng chính sách xã hội. Năm 2020, thành phố đã thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho 3.906 lượt đối tượng hưởng chính sách là người có công với cách mạng, với tổng số tiền trên 10,5 tỷ đồng, chi trả trợ cấp hàng tháng cho 15.175 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, với số tiền trên 7,6 tỷ đồng.

- Nhân dịp tết nguyên đán Canh Tý năm 2020, kỷ niệm 66 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, UBND thành phố đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, thực hiện tiếp nhận và tổ chức tặng quà từ Chủ tịch nước và các tổ chức cá nhân trên địa bàn. Tổng số đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được nhận quà là 4.763 đối tượng, với tổng số tiền là 1,7 tỷ đồng. Trong đó: quà của Chủ tịch nước tặng cho các đối tượng có công với cách mạng, quà từ ngân sách tỉnh, ngân sách thành phố, từ quỹ đền ơn đáp nghĩa các cấp, ... cho 2.603 đối tượng với số tiền 883,8 triệu đồng; tặng quà cho 90 cựu chiến binh, chiến sĩ Điện Biên nhân dịp kỷ niệm 66 năm chiến thắng Điện Biên Phủ với tổng số tiền 63 triệu

đồng; 1.243 đối tượng hộ nghèo được nhận quà với tổng số tiền 484,8 triệu đồng; 410 đối tượng bảo trợ xã hội được nhận quà với tổng số tiền là 127.6 triệu đồng; 167 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được nhận quà với tổng số tiền là 51,6 triệu đồng, quà mừng thọ cho 250 đối tượng là người cao tuổi 148.1 triệu đồng. Thực hiện hỗ trợ gạo cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, người già cô đơn không nơi nương tựa, ... dịp giáp hạt và các đối tượng gặp khó khăn do các nguyên nhân bất khả kháng đảm bảo quy định. Hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho 237 hộ gia đình, 350 nhân khẩu tổng số gạo cấp phát là 5.250 kg, trị giá 88,625 triệu đồng; tiếp nhận và cấp phát từ Cục dự trữ Quốc gia cho 998 nhân khẩu với tổng số gạo là 14.970 kg.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, thực hiện rà soát và lập danh sách trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định (*Lập danh sách 7.393 đối tượng, với tổng số tiền hỗ trợ trên 6,8 tỷ đồng, trong đó: đối tượng người có công với cách mạng là 345 người, số tiền hỗ trợ là 517 triệu 500 nghìn đồng; đối tượng bảo trợ xã hội là 1.406 người với tổng số tiền hỗ trợ 2 tỷ 107 triệu 500 nghìn đồng; đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo là 5.642 người với tổng kinh phí hỗ trợ là 4 tỷ 231 triệu 500 nghìn đồng*). Thực hiện hỗ trợ và miễn phí, tiếp nhận và trao quà, khẩu trang cho các hộ dân là đối tượng hộ nghèo các xã Mường Phăng, Pá Khoang, Nà Nhạn, Na Tàu gặp khó khăn do đại dịch Covid-10, tổng giá trị 76 triệu đồng.

Tiến hành điều tra, cấp 764 giấy chứng nhận hộ nghèo, 647 giấy chứng nhận hộ cận nghèo năm 2020; thực hiện rà soát, hỗ trợ sửa chữa và làm nhà mới cho 46 hộ nghèo với số tiền trên 900 triệu đồng, hỗ trợ 15 con bò giống trị giá trên 200 triệu đồng; Quỹ “Ngày vì người nghèo” thành phố đã hỗ trợ học sinh lớp bán trú dân nuôi trên địa bàn thành phố với số tiền trên 194 triệu đồng, thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ tiền điện cho 2.283 lượt hộ nghèo với số tiền là trên 395 triệu đồng, 83 lượt hộ chính sách xã hội với số tiền là trên 11 triệu đồng, 204 hộ ở vùng chưa có điện lưới với số tiền là trên 33 triệu đồng. Năm 2020, thành phố có 180 hộ thoát nghèo, giảm số hộ nghèo xuống còn 584 hộ, đạt tỷ lệ 2,9%.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền về công tác xuất khẩu lao động triển khai kế hoạch giải quyết việc làm năm 2020, tuyên truyền cho người lao động có nhu



cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc (06 người), Nhật Bản, tạo việc làm mới cho 2.598 lao động thông qua vay vốn phát triển sản xuất, tự tạo việc làm, sản xuất kinh doanh, học nghề, tuyển dụng, xuất khẩu lao động), đạt 100% KH tỉnh giao, đạt 111% KH thành phố giao).

- Tổ chức cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội của tỉnh cho 10 đối tượng, đạt 200% kế hoạch, cai nghiện tại cộng đồng cho 55 đối tượng đạt 92% kế hoạch, tổ chức cho 445 người nghiện ma túy, điều trị bằng thuốc Methadone.

- Thực hiện cấp thẻ BHYT năm 2020 cho 2.525 trường hợp là các đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em đang sống tại trung tâm Bảo trợ xã hội. Số người tham gia BHXH, BHYT năm 2020 là 61.561 người, thu BHXH ước đạt 190 tỷ đồng, chi giải quyết chế độ BHXH cho 7.820 người, số tiền 428 tỷ đồng.

*(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021)*

## **2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn**

### **2.4.1. Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị**

*\* Quản lý quy hoạch - Kiến trúc đô thị*

Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Điện Biên Phủ đến năm 2030, tầm nhìn 2050 sau khi sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính, trình sở Xây dựng thỏa thuận quy hoạch, phê duyệt, công bố công khai điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng một số công trình (*Khu tái định cư Him Lam thuộc dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc” giai đoạn 2 (2017-2020); thống nhất điều chỉnh cục bộ quy hoạch khu đất thương mại, dịch vụ (khu đất xưởng sản xuất bê tông cũ) thành khu đất xây dựng trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố; thỏa thuận điều chỉnh cục bộ quy hoạch lô đất ở hiện trạng tự cải tạo thành đất ở công cộng; xây dựng nhà văn hoá tổ dân phố 5, phường Mường Thanh; tổ chức công bố, công khai điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500, khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc thành phố Điện Biên Phủ...).*

Tập trung xây dựng, chỉnh trang đô thị, xây dựng các khu dân cư, nâng cấp hệ thống giao thông, điện, nước sinh hoạt, ... Trong giai đoạn 2015-2020 thành phố Điện Biên Phủ đã thực hiện được các dự án: Xây dựng khu nhà phía tây sông Nậm Rốm, khu nhà ở phường Tân Thanh; 10 dự án khu dân cư đô thị và các khu, điểm tái định cư; 3 cầu bê tông, 2 cầu treo; 30 km đường bê tông ngõ phố, bản; nâng cấp 2 km đường bê tông áp phan; nâng cấp, cải tạo đường Võ Nguyên Giáp, nâng cấp công viên ven sông Nậm Rốm; lát 85.586 m<sup>2</sup> ở vỉa hè; xây dựng 11,45 km đường điện chiếu sáng đô thị; trồng mới trên 3.000 cây hoa ban. Toàn thành phố có 176,8 km đường giao thông, trong đó: Đường nhựa và thảm nhựa 70,8 km, đường cấp phối 9,6 km, đường bê tông xi măng 96,4 km, còn lại là đường đất. Phối hợp nghiệm thu và bàn giao đưa vào hoạt động nhà máy thu gom và xử lý nước thải thành phố; thực hiện đóng cửa bãi rác Noong Bua.

*\* Quản lý trật tự đô thị và An toàn giao thông*

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về xây dựng, kiến trúc đô thị, chỉ đạo Công an thành phố, Đội quản lý trật tự đô thị phối hợp với UBND các xã, phường tập trung tuyên truyền quy chế quản lý đô thị, văn bản pháp luật có liên quan đến công tác quản lý đô thị và trật tự an toàn giao thông. Thực hiện kiểm tra 198 trường hợp xây dựng đô thị và quản lý sử dụng đất đai, phát hiện và lập biên bản xử lý vi phạm 55 trường hợp (*Vi phạm về trật tự xây dựng 16 trường hợp: Nam Thanh 07; Mường Thanh 02; Him Lam 06; Thanh Minh 01. Vi phạm về quản lý và sử dụng đất đai 34 trường hợp: Nam Thanh 08; Thanh Minh 14; Him Lam 04; Noong Bua 03; Thanh Trường 01; Nà Nhạn 01; Pá Khoang 01; Mường Phăng 02. Vi phạm về tự ý khai thác khoáng sản (cát) 05 trường hợp ở xã Mường Phăng*).

Năm 2020, tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố giảm trên cả 03 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương so với cùng kỳ năm 2019, cụ thể: Có 15 vụ tai nạn giao thông xảy ra (giảm 07 vụ), làm chết 05 người (giảm 01 người), bị thương 09 (giảm 6 người), hư hỏng 09 xe ô tô, 04 xe mô tô, 03 xe đạp, thiệt hại 393 triệu đồng.

- Qua tuần tra kiểm soát, lực lượng chức năng của Công an thành phố đã lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính 1.263 trường hợp vi phạm các quy định về ATGT, đã xử lý 1.156 trường hợp, nộp ngân sách Nhà nước trên 2,4 tỷ đồng; phạt cảnh cáo 83 trường hợp, tạm giữ 49 xe ô tô, 865 xe mô tô, tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn 320 trường hợp.

*\* Quản lý môi trường đô thị*

- Tăng cường giám sát thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải (xử lý bằng công nghệ đốt được 20.918 tấn), không để tình trạng rác thải tồn đọng qua ngày, quản lý và giám sát vận hành hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, xử lý nước rỉ thải tại bãi rác Noong Bua công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày; duy trì chăm sóc cây xanh, cây cảnh trên địa bàn. Thực hiện thay thế bóng điện chiếu sáng, chỉnh trang đô thị, phun nước rửa đường, chỉnh trang đô thị phục vụ Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Điện Biên Phủ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025. Thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn để tuyên truyền và ngăn chặn kịp thời các dấu hiệu vi phạm pháp luật về môi trường, năm 2020 UBND thành phố xác nhận 03 trường hợp đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh 10 trường hợp.

*(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021)*

***2.4.2. Hiện trạng khu vực nông thôn***

- UBND thành phố đã thực hiện kiện toàn Ban chỉ đạo, Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định ban hành điều chỉnh, bổ sung quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ của Ban chỉ đạo, chỉ đạo rà soát, kiểm tra thực hiện các tiêu chí, kiểm tra quản lý các hạng mục công trình về xây dựng nông thôn mới tại các xã; hướng dẫn các xã tiếp tục triển khai thi công các công trình xây dựng hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt và duy trì phát triển bền vững, nâng cao các tiêu chí đã đạt được. Đến hết năm 2020, thành phố có 4/5 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm:

Thanh Minh, Nà Tấu, Nà Nhạn, Mường Phăng, và chưa đạt là Pá Khoang hiện mới đạt 11/19 tiêu chí.

Thực hiện triển khai các giải pháp để hoàn thành và công nhận phố, bản đạt “Thôn, bản nông thôn kiểu mẫu”, yêu cầu mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới có từ 01 đến 02 phố, bản nông thôn mới kiểu mẫu; thực hiện đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm”, yêu cầu mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới có ít nhất một sản phẩm OCOP trở lên, năm 2020 thành phố có 07 sản phẩm OCOP đăng ký tham gia dự thi đánh giá và phân hạng, qua đánh giá xếp hạng có 03/07 sản phẩm đủ điều kiện tham gia đánh giá xếp hạng cấp tỉnh (Mắc ca Điện Biên, Miến dong Hồng Phước, Gạo nếp tan Mường Phăng).

## **2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

### **2.5.1. Giao thông**

Trên địa bàn thành phố có các tuyến giao thông chính gồm có:

- Quốc lộ 279: Đoạn đi qua thành phố (qua xã Thanh Minh có tên là Quốc lộ 279, đi qua các phường khác có tên gọi khác nhau, phường Nam Thanh là đường 7/5), là đường đạt cấp II đô thị miền núi, nền rộng 15-25m, mặt rộng 5,5 - 12,5m, mặt đường láng nhựa. Hiện nay tuyến Quốc lộ này đã được Nhà nước đầu tư mở rộng, nâng cấp chạy dọc trên địa bàn thành phố sang huyện Điện Biên.

- Quốc lộ 12: Đoạn đi qua thành phố (qua phường Thanh Bình, Thanh Trường), là đường đạt cấp II đô thị miền núi, nền rộng 20-35m, mặt rộng 10-12,5m, mặt đường láng nhựa.

- Đường thành phố: Đến năm 2020 đã nhựa hóa nhiều tuyến đường từ trong nội thành phố, đường khu phố, các khu dân cư, tái định cư và nhựa hóa, bê tông các trục đường xã, đường trong các thôn bản trên địa bàn toàn thành phố.

Bằng các nguồn vốn đầu tư từ đầu nhiệm kỳ đến nay, thành phố xây dựng được 30 km đường bê tông, mở rộng và nâng cấp được 2 km đường (bê tông áp phan). Đến nay trên địa bàn thành phố có tổng số 176,8 km đường giao thông; trong đó: Đường nhựa và thảm nhựa 70,8 km; đường cấp phối 9,6 km; đường bê tông xi măng 96,4 km, còn lại là đường đất. Lát vỉa hè được 85.586 m<sup>2</sup>; xây dựng được 11,45 km điện chiếu sáng đô thị. Công tác quyết toán dự án hoàn

thành luôn được đẩy nhanh, hoàn thành quyết toán trên 220 công trình với tổng số vốn đạt gần 500 tỷ đồng.

### **2.5.2. Thủy lợi**

Hệ thống thủy lợi của thành phố đã được đầu tư xây dựng và cải tạo để phục vụ việc sản xuất, phục vụ tiêu thoát nước mặt, nước sinh hoạt và cung cấp nước sạch phục vụ cuộc sống của nhân dân.

Kênh thủy nông nông của khu vực chạy qua địa bàn thành phố đã được đầu tư: Như hồ Huổi Phạ, kênh thủy nông Nậm Rôm .... phục vụ tốt cho phát triển sản xuất kinh tế nông nghiệp. Ngoài việc đầu tư nâng cấp các công trình có sẵn và cần phải có những công trình thủy lợi mới phục vụ cho tưới tiêu.

### **2.5.3. Giáo dục - đào tạo**

Do thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 nên việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục năm học 2019-2020 phải đẩy lùi thời gian đảm bảo theo sự điều chỉnh của UBND tỉnh và Sở GD - ĐT, tuy nhiên các chỉ số, tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục các cấp trên địa bàn thành phố vẫn được duy trì và nâng cao, chất lượng Giáo dục của thành phố ngày càng nâng cao, tỷ lệ học sinh khá giỏi ngày càng nâng lên, các cuộc thi cấp tỉnh luôn đứng đầu; công tác phổ cập giáo dục các cấp được quan tâm chỉ đạo, các tiêu chí của các trường đạt chuẩn Quốc gia được duy trì. Làm tốt công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện có hiệu quả qua chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 1.

- Hiện nay toàn thành phố có 53 trường học các cấp, (trong đó có: 49 trường công lập, 04 trường tư thục), với tổng số 700 lớp, 20.695 học sinh (tăng 96 học sinh so với kế hoạch giao); có 46/49 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 93,87%, có 02/04 trường tư thục được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 50%. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp, tốt nghiệp đạt và vượt chỉ tiêu, kết quả cụ thể:

+ Mầm non: 26 trường (23 trường công lập, 03 trường tư thục). Có 6.350 trẻ, 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn và được theo dõi, chăm sóc sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 2,7%; 99,9% trẻ đạt yêu cầu phát triển cuối độ tuổi mẫu giáo; 99,5% số trẻ đạt yêu cầu phát triển của độ tuổi nhà trẻ.

+ Tiểu học: 15 trường có 8.679 học sinh, 99,99% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và chuyển lớp (*vượt KH 0,1%*).

+ Trung học cơ sở: 9 trường, liên cấp TH-THCS : 03 trường (02 trường công lập, 01 trường tư thục). Có 5.666 học sinh; 100% học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100% (*vượt KH 0,2%*); 99,9% học sinh chuyển lớp (*vượt KH 0,5%*).

- Mạng lưới trường lớp, sĩ số học sinh được duy trì đáp ứng việc nâng cao nhu cầu học tập của con em các dân tộc trên địa bàn thành phố. Thực hiện đa dạng hoá loại hình trường lớp.

- Mô hình trường học mới đổi mới với lớp 6,7,8,9 cấp THCS; chương trình Tiếng Anh hệ 10 cấp THCS được triển khai thực hiện hiệu quả; chương trình thay sách giáo khoa lớp 1 theo đúng lộ trình.

- Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ III, phổ cập giáo dục THCS mức độ III; phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi được nâng cao.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm, đặc biệt chú trọng đầu tư cho các trường trong lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia và chuẩn bị các điều kiện cho việc thực hiện thay sách giáo khoa lớp 1 và các điều kiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo đúng lộ trình.

- Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì giữ vững, phản ánh thực chất, khách quan. Các giải pháp phát triển các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn thành phố được đồng bộ.

- Công tác bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý đầu năm học được quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, đảm bảo các nội dung cần cho triển khai nhiệm vụ năm học mới. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không ngừng tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Việc bố trí, sử dụng viên chức đảm bảo khoa học, phù hợp tình hình thực tế quy mô trường, lớp và số lượng người làm việc theo đúng quy định.

- Tổ chức thành công Hội thao giáo dục và đào tạo thành phố năm 2020, thành lập đoàn vận động viên tham gia Hội thao cấp tỉnh đạt kết quả cao.

- Thực hiện tốt giao khoán kinh phí cho các đơn vị tự chủ. Sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo đúng nguyên tắc công khai dân chủ. Thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ, minh bạch đúng đối tượng chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, học sinh.

#### **2.5.5. Văn hoá, thông tin, thể dục - thể thao**

- Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh tập trung thực hiện tốt các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn nghệ, thể thao chào mừng kỷ niệm các ngày lễ và phục vụ các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, thành phố (*90 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam: 75 năm Cách mạng tháng 8 và quốc khánh 2/9; Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tuyên truyền công tác phòng chống dịch Covid-19...*). Thực hiện 160 chương trình thời sự, 1.617 tin bài, 52 trang Truyền hình cơ sở.

- Năm 2020, toàn thành phố có 90% số hộ gia đình, 92% tổ dân phố, bản, cụm dân cư và 99,2% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt danh hiệu văn hóa; 06/07 phường đạt chuẩn văn minh đô thị, 04/05 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Thực hiện hỗ trợ kinh phí xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp 09 nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại các tổ dân phố, bản (*xây mới 04 nhà, sửa chữa nâng cấp 05 nhà*, hiện thành phố có 10/12 xã, phường có nhà sinh hoạt văn hóa, đạt 83,3% và có 113/173 tổ dân phố, bản, có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng đạt 64,5%. Phê duyệt 173 bản Quy ước của các tổ dân phố, bản thuộc 12 xã, phường.

#### **2.5.6. Năng lượng**

Thành phố Điện Biên Phủ là khu vực khai thác sử dụng nhánh điện lưới 35KV của tỉnh Điện Biên, thành phố Điện Biên Phủ có lưới điện phát triển theo quy hoạch của Ngành. Tính đến thời điểm năm 2020, 100% người dân của 12 phường, xã được sử dụng điện lưới quốc gia. Việc quản lý về điện năng trên địa bàn thành phố thực hiện theo phân cấp quản lý và cung cấp điện do Chi nhánh điện thành phố Điện Biên Phủ quản lý.

#### **2.5.7. Bưu chính, viễn thông**

Việc sử dụng khoa học công nghệ và thông tin như điện thoại di động, Internet ngày càng được sử dụng rộng rãi trong nhân dân. Toàn thành phố gồm các chi nhánh viễn thông: VNPT, EVN, Viettel và Mobifone, với các trạm BTS.

Toàn thành phố việc sử dụng dịch vụ thuê bao điện thoại di động ngày càng tăng, 100% phường, xã đã được phủ sóng di động của các mạng điện thoại và có các đại lý kinh doanh Internet.

## **2.6. Đánh giá chung**

### **2.6.1. Những kết quả đạt được**

- Năm 2020, được sự quan tâm của Trung ương, của Tỉnh, sự phối hợp, giúp đỡ của các sở ngành tỉnh, cùng sự lãnh đạo sâu sát quyết liệt của Thành ủy, HĐND thành phố và sự phối hợp của các Ban Đảng và các tổ chức đoàn thể thành phố. Công tác phòng chống dịch covid-19 được triển khai tích cực, hiệu quả, mặc dù đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới và khu vực, song nhờ chủ động các biện pháp ứng phó nên thành phố đã hoàn thành 14/16 chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội đề ra. Hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tiếp tục được đầu tư; công tác chỉnh trang đô thị được quan tâm; thực hiện hiệu quả các đợt ra quân lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông, giải phóng lòng đường, vỉa hè. Việc triển khai các công trình dự án được quan tâm chỉ đạo cả về chất lượng, tiến độ thời gian, môi trường cảnh quan, an toàn lao động trong quá trình thực hiện.

- Văn hoá - xã hội được duy trì, có nhiều chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên; việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo được quan tâm, thực hiện; các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng hưởng chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; công tác giảm nghèo được triển khai có hiệu quả; việc hỗ trợ làm nhà cho các gia đình chính sách được các cấp các ngành quan tâm.

- Công tác đền bù, hỗ trợ tái định cư được triển khai quyết liệt, đặc biệt đối với các công trình trọng điểm, như: dự án đường 60m, dự án hạ tầng kỹ thuật khung dọc trục đường 60m, các dự án thuộc chương trình đô thị miền núi phía Bắc, các điểm TĐC thuộc dự án nâng cấp Cảng hàng không Điện Biên được quan tâm chỉ đạo.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định. Công tác giao, nhận quân đảm bảo yêu cầu của tỉnh; công tác đối ngoại



được tiếp tục duy trì. Thành phố đã tổ chức đón tiếp chu đáo các đoàn khách đến tham quan và trao đổi kinh nghiệm hoạt động với thành phố.

### ***2.6.2. Tồn tại và nguyên nhân***

#### ***\* Tồn tại:***

- Còn 02 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra, đó là: Tổng giá trị xây dựng cơ bản và thu ngân sách trên địa bàn.

- Chưa hoàn thành mục tiêu xây dựng thành phố đạt tiêu chí đô thị loại II trực thuộc tỉnh. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thu ngân sách trên địa bàn không đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

- Kinh tế tăng trưởng nhưng chưa bền vững; chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh du lịch. Sản xuất TTCN còn phân tán, nhỏ lẻ. Tiến độ triển khai thực hiện một số công trình, dự án trọng điểm còn chậm chưa đạt kế hoạch đề ra, việc triển khai các dự án đầu giá đất còn chậm.

- Công tác lập, quản lý quy hoạch chi tiết các khu, điểm theo quy hoạch chung xây dựng thành phố chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Chưa có biện pháp khắc phục hậu quả, xử lý dứt điểm đối với các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, đất đai trên địa bàn thành phố.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư một số dự án tiến độ còn chậm và gặp nhiều khó khăn. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng còn hạn chế.

- Việc tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại, đề nghị của công dân, giải quyết các kiến nghị của cử tri có việc, có nội dung còn chậm; việc phối hợp xử lý giải quyết thủ tục hành chính cho công dân tại bộ phận một cửa còn thiếu chặt chẽ, thiếu đồng bộ, vẫn còn có tình trạng hồ sơ giải quyết chậm muộn.

- Công tác triển khai thực hiện một số dự án bằng nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn đầu tư công và công tác quyết toán các dự án hoàn thành của các đơn vị được giao làm chủ đầu tư còn chậm.

#### ***\* Nguyên nhân:***

- Trình độ năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện của một số cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm.

- Việc không hoàn thành mục tiêu xây dựng tiêu chí đô thị loại II, một phần do công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chưa quyết liệt, nhưng chủ yếu là do khi xây dựng mục tiêu này đã dựa trên tiêu chí cũ (Nghị định số 42/NĐ/2009/CP của Chính phủ); đến năm 2016 thực hiện Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các tiêu chí đánh giá đô thị thay đổi theo hướng nâng cao hơn, nhất là tiêu chí về diện tích và dân số, do đó thành phố chưa đáp ứng được.

- Cơ chế chính sách trong đền bù, giải phóng mặt bằng có sự thay đổi nên việc áp dụng trong một số trường hợp cụ thể gặp nhiều vướng mắc. Mặt khác trong cùng thời điểm triển khai nhiều dự án ở nhiều chương trình khác nhau nên dẫn tới chế độ, chính sách khác nhau dẫn đến có sự so sánh của người dân, một bộ phận người dân dù đã được tuyên truyền, giải thích đầy đủ, song vẫn cố tình không chấp hành các quy định về giải phóng mặt bằng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ở một số lĩnh vực, một số nơi chưa thường xuyên, chưa xử lý kiên quyết các kết luận sau thanh tra, kiểm tra.

- Nguồn lực đầu tư tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng so với nhu cầu thực tế, thành phố gặp nhiều khó khăn trong thu hút các nguồn lực đầu tư.

### **III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

Biến đổi khí hậu là do nồng độ của hiệu ứng nhà kính tăng lên trong khí quyển ở mức độ cao đã làm cho trái đất nóng lên, tạo ra các biến đổi trong các vấn đề thời tiết hiện nay.

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống: Mùa đông ngắn lại, hạn hán, mưa lũ thất thường. Cây trồng có sự thay đổi về thu hoạch, dịch bệnh nhiều hơn, bệnh mới xuất hiện... Trong những năm gần đây cùng với các hoạt động công nghiệp tăng lên, lượng khí CO<sub>2</sub>, nitơ ôxit, mê tan... thải ra môi trường càng lớn khiến cho nhiệt độ bề mặt trái đất nóng lên.

Quy hoạch sử dụng đất là một phương pháp thích ứng quan trọng nhất để giảm thiểu mất mát trong tương lai. Các loại hình thiên tai ở thành phố Điện Biên Phủ như lũ lụt, sạt lở đất, hạn hán, ngập úng, bão, đất và nước bị nhiễm bẩn, cháy rừng, ...; trong đó có các loại thiên tai đi liền nhau, hoặc loại thiên tai

này là hệ quả của loại thiên tai khác, chẳng hạn lũ lụt gây ra sạt lở đất và úng ngập, mưa bão làm nước dâng cao gây úng ngập, giông sét, hạn hán dẫn đến cháy rừng... Do đó, nội dung phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải được lồng ghép trong các loại quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố như: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch sử dụng và khai thác tổng hợp các lưu vực sông; Quy hoạch các ngành và đặc biệt phải được lồng ghép giảm nhẹ rủi ro.

Đối với sản xuất nông nghiệp, hiện tượng biến đổi khí hậu làm cho cơ cấu mùa vụ và hướng sử dụng đất phải thay đổi để phù hợp hơn, diện tích canh tác bị thu hẹp lại, năng suất cây trồng giảm, khả năng thích nghi của cây trồng, vật nuôi bị ảnh hưởng và theo chiều hướng tiêu cực.

Hiện tượng biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng trên địa bàn thành phố, đặc biệt là vùng ven sông, sẽ phải tu bổ, nâng cấp bờ đê bao, đê chắn lũ, kênh thủy lợi, ... việc xây dựng kết cấu hạ tầng đã tốn kém lại càng tốn kém hơn.

Tóm lại, vấn đề biến đổi khí hậu vẫn đang là bài toán khó cho các nhà quản lý không chỉ ở thành phố Điện Biên Phủ mà nó còn là vấn đề chung của toàn thế giới. Để làm giảm tốc độ của biến đổi khí hậu có liên quan đến nhiều lĩnh vực nền kinh tế. Cần phải sử dụng nhiên liệu hoá thạch một cách hợp lý để giảm khí thải nhà kính. Trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp sử dụng nhiều phân bón hữu cơ để tránh phát thải khí metan. Mặt khác chúng ta cũng phải có những biện pháp đối phó thích nghi sống cùng biến đổi khí hậu và tránh thiệt hại tối đa, chính sách truyền thông các biện pháp ứng phó. Mỗi cá nhân chúng ta phải có ý thức trong việc bảo vệ môi trường, nhận thức rằng năng lượng và sự bảo vệ môi trường là hết sức quan trọng sẽ làm cho thế giới - ngôi nhà chung của chúng ta tốt đẹp hơn.

## PHẦN II. CÁC CHUYÊN ĐỀ

### MỤC 1. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT TRỒNG LÚA

#### I. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất trồng lúa

##### 1. Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa

Hiện trạng đất trồng lúa năm 2020 diện tích là 2.664,40 ha, chiếm 8,69% tổng diện tích tự nhiên, (trong đó đất chuyên trồng lúa nước: 1.887,65 ha, chiếm 6,16% tổng diện tích tự nhiên). Phân bố ở 10 xã, phường nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Nà Nhạn (531,05 ha), Mường Phăng (600,92 ha), ... Trong thời kỳ quy hoạch tới cần khai thác, mở rộng diện tích đất trồng lúa những khu vực thuận lợi và đã được đầu tư các công trình thủy lợi để tăng sản lượng lương thực cho nhân dân trên địa bàn thành phố.

+ Phường Him Lam	:	35,07 ha;
+ Phường Nam Thanh	:	108,95 ha;
+ Phường Noong Bua	:	48,51 ha;
+ Phường Thanh Bình	:	2,02 ha;
+ Phường Thanh Trường	:	282,56 ha;
+ Xã Mường Phăng	:	600,92 ha;
+ Xã Nà Nhạn	:	531,05 ha;
+ Xã Nà Tấu	:	583,24 ha;
+ Xã Pá Khoang	:	338,37 ha;
+ Xã Thanh Minh	:	133,61 ha;

Thành phố Điện Biên Phủ chủ yếu là dạng địa hình đồi núi và đồng bằng nghiêng dần theo hướng Bắc - Nam, Đông - Tây. Do ảnh hưởng của hoạt động kiến tạo địa chất nên địa hình bị chia cắt, cấu trúc núi cao, đồi và đồng bằng, do vậy trên địa bàn thành phố phát triển đầy đủ 3 loại hình trồng lúa như:

Đất chuyên trồng lúa nước: Diện tích hiện trạng năm 2020 đất chuyên trồng lúa nước là 1.887,65 ha, chiếm 6,16% tổng diện tích tự nhiên, phân bố trên 10 xã, phường. Xã có diện tích đất chuyên trồng lúa nước cao nhất là xã Mường

Phăng (470,53 ha) và xã Nà Tấu (417,63 ha); phường Thanh Bình có diện tích đất chuyên trồng lúa nước nhỏ nhất là 2,02 ha.

- Đất trồng lúa nước còn lại:

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất trồng lúa nước còn lại là 663,50 ha, chiếm 2,16% tổng diện tích tự nhiên; phân bố trên 6 xã, phường: xã Nà Nhạn (293,21 ha), Nà Tấu (148,63 ha), Pá Khoang (71,2 ha), Mường Phăng (130,39 ha); phường Nam Thanh (16,66 ha), xã Thanh Minh có diện tích nhỏ nhất là 3,41 ha.

- Đất trồng lúa nương:

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất trồng lúa nương là 99,96 ha, chiếm 0,33% tổng diện tích tự nhiên của thành phố; phân bố trên 5 xã, phường: xã Nà Nhạn (53,58 ha), Nà Tấu (17,07 ha), Pá Khoang (25,11 ha), xã Thanh Minh (4,12 ha); phường Him Lam có diện tích nhỏ nhất là 0,08 ha.

Thành phố Điện Biên Phủ là một trong những địa bàn có diện tích gieo cấy lúa lớn trong toàn tỉnh. Thành phố xác định ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT) là “chìa khóa” để thực hiện thành công các mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp, thành phố đã tích cực đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ KHKT, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

## **2. Biến động sử dụng đất trồng lúa trong kỳ quy hoạch trước**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng lúa năm 2020 của thành phố là 2.664,40 ha, giảm 162,52 ha so với hiện trạng năm 2010 (2.826,92 ha).

Thành phố áp dụng giống lúa mới, tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất lúa vụ mùa năm 2020 được triển khai tại 4 xã vùng ngoài thành phố, gồm: Pá Khoang, Nà Nhạn, Nà Tấu, Mường Phăng; với quy mô 21,33 ha (5 ha giống HDT10, 5 ha giống ADI 168, 11,33 ha nếp 97). Từ nguồn vốn của Nhà nước, các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ 100% giống; 100% vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thường xuyên được cán bộ kỹ thuật kiểm tra, hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp trong quá trình canh tác. Nhằm bảo đảm cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, bảo vệ môi trường và nâng cao năng suất, chất lượng; Phòng Kinh

tế thành phố đã triển khai mô hình ứng dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM trên cây lúa tại địa bàn 5 xã (Thanh Minh, Nà Nhạn, Nà Tấu, Mường Phăng, Pá Khoang), quy mô 58,4 ha với 400 hộ dân tham gia, tổng kinh phí hơn 820 triệu đồng bao gồm giống thóc, phân bón, thuốc trừ rầy, ...

*(Nguồn: Tin kinh tế TP Điện Biên Phủ - nâng cao hiệu quả kinh tế đất trồng lúa, đăng ngày 10/8/2021)*

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất trồng lúa kỳ trước**

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất trồng lúa kỳ trước của thành phố Điện Biên Phủ đến ngày 31/12/2020 như sau:

Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 3.879,16 ha, kết quả thực hiện được 2.664,40 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 1.214,76 ha, đạt 68,68% (*trong đó đất chuyên trồng lúa nước thấp hơn quy hoạch là 118,21 ha*). Nguyên nhân: trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích đất trồng lúa.

## **II. Phương án quy hoạch sử dụng đất trồng lúa đến năm 2030**

### **1. Mục tiêu**

Quá trình hội nhập và tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ làm nảy sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa việc bảo vệ diện tích đất trồng lúa với việc phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Trong những năm tới, trên cơ sở chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa được phân bổ cần luận chứng cụ thể để lựa chọn những khu vực đất trồng lúa nước có hiệu quả sử dụng thấp nhất để chuyển sang các mục đích khác như xây dựng và phát triển các đô thị, khu dân cư nông thôn, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ du lịch, xây dựng các công trình công cộng, ... Phần diện tích còn lại cần khoanh

định và giao cho các cấp chính quyền địa phương và người dân để quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt và sử dụng ổn định, lâu dài nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

Ổn định địa bàn sản xuất lúa gắn với đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống công trình thủy lợi; nạo vét hệ thống kênh mương bị bồi lắng; phát triển hệ thống trạm bơm điện vừa và nhỏ; từng bước thực hiện kiên cố hóa kênh mương (gia cố bờ kênh, xây dựng cống, đập, trạm bơm); thực hiện điều chỉnh cơ cấu mùa vụ phù hợp phù hợp với điều kiện sinh thái của từng tiểu vùng.

## **2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trồng lúa**

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tới, với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Huy động mọi nguồn lực để phát triển thành phố theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đầu tư khai thác theo chiều sâu tiềm năng, thế mạnh của thành phố, nhất là dịch vụ du lịch, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất nông nghiệp; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Sau khi tiến hành điều tra, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất tại cấp xã, phường và cấp thành phố, chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa theo nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố tăng 684,00 ha.

## **3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa**

Diện tích năm 2020 là 2.664,40 ha; đến năm 2030 đất trồng lúa thực tăng 285,60 ha. Trong đó:

- Tăng 684,00 ha do đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang.
- Giảm 398,40 ha do chuyển sang các loại đất:
  - + Đất quốc phòng : 1,09 ha;
  - + Đất an ninh : 3,50 ha;
  - + Đất thương mại, dịch vụ : 27,19 ha;
  - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 1,67 ha;
  - + Đất giao thông : 173,44 ha;
  - + Đất thủy lợi : 4,81 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 7,34 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 3,17 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 6,41 ha;
+ Đất công trình năng lượng	: 5,92 ha;
+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa	: 2,84 ha;
+ Đất chợ	: 0,06 ha;
+ Đất sinh hoạt cộng đồng	: 0,37 ha;
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	: 33,26 ha;
+ Đất ở tại nông thôn	: 28,38 ha;
+ Đất ở tại đô thị	: 79,98 ha;
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 16,55 ha;
+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	: 0,63 ha;
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	: 1,79 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Nâng cấp đường vào khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng;

+ Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 279B;

+ Dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên;...

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất trồng lúa là 2.950,00 ha, chiếm 9,62% diện tích đất tự nhiên (*Trong đó: Diện tích đất chuyên trồng lúa nước đến năm 2030 là 1.515,90 ha, chiếm 4,94% diện tích đất tự nhiên*). Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	2,51	7	Phường Thanh Trường	84,81
2	Phường Mường Thanh		8	Xã Mường Phăng	578,25
3	Phường Nam Thanh	67,66	9	Xã Nà Nhạn	738,79
4	Phường Noong Bua	9,84	10	Xã Nà Tấu	788,77
5	Phường Tân Thanh		11	Xã Pá Khoang	336,83
6	Phường Thanh Bình	0,21	12	Xã Thanh Minh	342,33
<b>Tổng</b>					<b>2.950,00</b>



## **MỤC 2. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG SẢN XUẤT**

### **I. Hiện trạng sử dụng và biến động đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất**

#### **1. Hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất**

##### **1.1. Hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ**

Diện tích là 7.297,40 ha, chiếm 23,80% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn 7 xã, phường nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Nà Nhạn (2.695,71 ha), Nà Tấu (3.474,94 ha), Thanh Minh (1.090,13 ha), ... cụ thể như sau:

+ Phường Him Lam	:	7,10 ha;
+ Phường Mường Thanh	:	2,33 ha;
+ Phường Noong Bua	:	1,22 ha;
+ Xã Nà Nhạn	:	2.695,71 ha;
+ Xã Nà Tấu	:	3.474,94 ha;
+ Xã Pá Khoang	:	25,96 ha.
+ Xã Thanh Minh	:	1.090,13 ha.

Diện tích rừng phòng hộ cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Đồng thời cần tiếp tục khoanh nuôi, bảo vệ đất chưa sử dụng vào trồng rừng phòng hộ bảo vệ đất, nguồn nước và môi trường.

##### **1.2. Hiện trạng sử dụng đất rừng đặc dụng**

Diện tích là 2.316,05 ha, chiếm 7,55% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn 2 xã: Mường Phăng (849,36 ha), Pá Khoang (1.466,69 ha).

Theo Quyết định 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, rừng đặc dụng Mường Phăng được quy hoạch có diện tích hơn 4.436 ha thuộc địa bàn hai xã Mường Phăng và Pá Khoang. Rừng đặc dụng Mường Phăng có chức năng bảo vệ Di tích chiến dịch Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt).

Trong rừng đặc dụng Mường Phăng có khu rừng thuộc Sở Chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ là rừng tự nhiên nguyên sinh; tại xã Pá Khoang, Mường

Phăng là rừng tái sinh. Đến nay, trạng thái cây rừng trong rừng đặc dụng đã đạt tới trạng thái loại 3, có những hệ thống thực vật, sinh cảnh phục hồi rất tốt, rất đặc trưng của khu vực Tây Bắc, đảm bảo việc giữ gìn, bảo tồn các nguồn gen động vật, thực vật.

Bao năm qua, rừng đặc dụng Mường Phăng đảm bảo giữ ổn định cho nguồn nước hồ thủy lợi Pá Khoang, có chức năng phục vụ các công trình thủy điện ở hạ lưu và cung cấp nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho cả cánh đồng Mường Thanh - vựa lúa Tây Bắc.

*(Nguồn: Báo kinh tế - xã hội - Điện Biên chỉ đạo kiểm tra phản ánh vùng lõi rừng đặc dụng Mường Phăng bị “rút ruột” đăng ngày 21-12-2020)*

### ***1.3. Hiện trạng sử dụng đất rừng sản xuất***

Diện tích diện tích là 3.695,74 ha (trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên có diện tích 3.328,14 ha), chiếm 12,05% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn 11 xã, phường, trong đó:

+ Phường Him Lam	: 42,98 ha;
+ Phường Mường Thanh	: 2,51 ha;
+ Phường Nam Thanh	: 61,85 ha;
+ Phường Noong Bua	: 62,45 ha;
+ Phường Tân Thanh	: 25,24 ha;
+ Phường Thanh Trường	: 9,22 ha;
+ Xã Mường Phăng	: 712,82 ha;
+ Xã Nà Nhạn	: 477,42 ha;
+ Xã Nà Tấu	: 820,25 ha;
+ Xã Pá Khoang	: 1.176,45 ha;
+ Xã Thanh Minh	: 304,53 ha.

Phân bố trên địa bàn 11 xã, phường nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Nà Nhạn (477,42 ha), Nà Tấu (820,25 ha), Pá Khoang (1.176,45 ha), ... Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân trồng rừng trên

diện tích đất chưa sử dụng nhằm nâng cao độ che phủ rừng, bảo vệ đất, môi trường và tăng thu nhập.

## **2. Biến động sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất**

### **2.1. Biến động sử dụng đất rừng phòng hộ**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2020 của thành phố là 7.297,40 ha, giảm 6.822,92 ha so với hiện trạng năm 2010 (14.120,32 ha).

Kế hoạch trồng rừng phòng hộ năm 2020 trên địa bàn thành phố gặp nhiều khó khăn. Các diện tích trồng rừng thường nằm tại khu vực vùng cao, vùng sâu đi lại khó khăn nên người dân ngại tham gia. Ngoài ra, tập quán sản xuất, đời sống kinh tế của người dân vẫn dựa chủ yếu vào làm nương, trong khi quỹ đất sản xuất nông nghiệp hạn hẹp, người dân lo sợ khi trồng rừng phòng hộ sẽ mất đất sản xuất.

### **2.2. Biến động sử dụng đất rừng đặc dụng**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất rừng đặc dụng năm 2020 của thành phố là 2.316,05 ha, tăng 1.562,27 ha so với hiện trạng năm 2010 (753,78 ha).

Từ khi tiếp nhận toàn bộ diện tích rừng của 4 xã thuộc huyện Điện Biên về thành phố, UBND thành phố đã tăng cường công tác chỉ đạo về lĩnh vực lâm nghiệp, chỉ đạo cơ quan chức năng thường xuyên trao đổi phối hợp trong công tác quản lý bảo vệ rừng đối với chủ rừng. Từ đầu năm 2020 đến nay, Hạt Kiểm lâm thành phố đã tiếp nhận xử lý vi phạm từ BQL rừng Mường Phăng là 22 vụ, phối hợp thực hiện là 8 vụ.

### **2.3. Biến động sử dụng đất rừng sản xuất**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất rừng sản xuất năm 2020 của thành phố là 3.695,74 ha, tăng 1.281,23 ha so với hiện trạng năm 2010 (2.414,51 ha).

Thành phố đã làm tốt công tác khoanh nuôi, bảo vệ, giao đất giao rừng cho các hộ gia đình. Trong những năm tới cần có sự quản lý giữa đất di tích với việc trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây rừng có giá trị và hiệu quả kinh tế.

## **3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất kỳ trước**

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch sử

dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất kỳ trước của thành phố Điện Biên Phủ đến ngày 31/12/2020 như sau:

### ***3.1. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ kỳ trước***

Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 10.442,90 ha, kết quả thực hiện được 7.297,40 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu đã được duyệt 3.145,50 ha, đạt 69,88%. Nguyên nhân:

- Theo quy hoạch được duyệt dự kiến trong giai đoạn 2011-2020 sẽ chuyển 262,58 ha đất chưa sử dụng sang đất rừng phòng hộ để thực hiện các công trình dự án, tuy nhiên trong giai đoạn này trên địa bàn thành phố mới chuyển được 8,9 ha đất chưa sử dụng sang để thực hiện các công trình dự án.

- Mặt khác, trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát, cập nhật lại diện tích đất rừng phòng hộ theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

### ***3.2. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất rừng đặc dụng kỳ trước***

Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 4.348,00 ha, kết quả thực hiện được 2.316,05 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu đã được duyệt 2.031,95 ha, đạt 53,27%.

Nguyên nhân: trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát, cập nhật lại diện tích đất rừng đặc dụng theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

### **3.3. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất rừng sản xuất kỳ trước**

Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 3.532,45 ha, kết quả thực hiện được 3.695,74 ha, cao hơn so với chỉ tiêu đã được duyệt 163,29 ha, đạt 104,62%. Nguyên nhân:

- Theo quy hoạch được duyệt dự kiến trong giai đoạn 2011-2020 sẽ chuyển 392,4 ha đất chưa sử dụng sang đất rừng sản xuất để thực hiện các công trình dự án, tuy nhiên trong giai đoạn này trên địa bàn thành phố chưa chuyển được đất chưa sử dụng sang để thực hiện các công trình dự án.

- Mặt khác, trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát, cập nhật lại diện tích đất rừng sản xuất theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

## **II. Phương án quy hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất đến năm 2030**

### **1. Mục tiêu**

Quá trình hội nhập và tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ làm nảy sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa việc bảo vệ diện tích đất nông nghiệp trong đó có đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất với việc phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Với mục tiêu đảm bảo an toàn lương thực, mặt khác tránh gây thiệt hại lớn đối với nền sản xuất nông - lâm nghiệp, cần phải duy trì và bảo vệ diện tích đất nông - lâm nghiệp hiện có, đặc biệt là đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản. Trong những trường hợp thật cần thiết, khi chọn đất để phát triển công nghiệp hay và các mục đích phi nông nghiệp khác, trước hết chỉ lấy những diện tích sử dụng kém hiệu quả, bạc màu, năng suất thấp,... Phải có biện pháp khai hoang cải tạo đất mới, thâm canh, tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý để bù vào diện tích đất nông nghiệp bị mất đi, (cần hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi, đảm bảo được yêu cầu tưới tiêu chủ động, góp phần thâm canh, tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng).

Tổ chức sử dụng đất lâm nghiệp theo hướng đẩy mạnh công tác trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, bảo vệ rừng đầu nguồn, góp phần cải tạo môi trường, tăng hiệu quả sử dụng đất của toàn thành phố.

Trong thời gian tới, tiếp tục tổ chức thực hiện hoàn thành giao đất, giao rừng theo kế hoạch đã phê duyệt. Tập trung bảo vệ diện tích có rừng; tăng cường khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng phòng hộ; chú trọng phát triển rừng sản xuất, lâm sản ngoài gỗ có giá trị, hiệu quả trên đất lâm nghiệp theo chuỗi liên kết. Tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

## **2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất**

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tới, với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Huy động mọi nguồn lực để phát triển thành phố theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đầu tư khai thác theo chiều sâu tiềm năng, thế mạnh của thành phố, nhất là dịch vụ du lịch, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất nông nghiệp; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Sau khi tiến hành điều tra, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất tại cấp xã và cấp thành phố, chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất như sau:

- Rừng phòng hộ: Nhu cầu sử dụng đất rừng phòng hộ đến năm 2030 tăng thêm 2.220,65 ha tại các xã Nà Nhạn, Nà Tấu, Pá Khoang, Thanh Minh.
- Rừng đặc dụng: Nhu cầu sử dụng đất rừng đặc dụng đến năm 2030 tăng thêm 2.120,50 ha tại các xã.
- Rừng sản xuất: Nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất đến năm 2030 tăng thêm 488,90 ha tại các xã.

## **3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất**

### **3.1. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất rừng phòng hộ**

Diện tích năm 2020 là 7.297,40 ha; đến năm 2030 đất rừng phòng hộ thực tăng 2.145,50 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 2.220,65 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác và đất rừng sản xuất sang.

Diện tích tăng để Hoàn thiện giao đất có rừng (những khu vực được cấp giấy) và giao đất không có rừng để khoanh nuôi phát triển rừng, (bao gồm cả khu vực trồng cây mắc ca).

- Giảm 75,15 ha do chuyển sang các mục đích sau:

- + Đất quốc phòng : 48,04 ha;
- + Đất giao thông : 17,10 ha;
- + Đất công trình năng lượng : 4,69 ha;
- + Đất công trình bưu chính, viễn thông : 0,05 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng : 0,21 ha;
- + Đất ở tại nông thôn : 2,72 ha;
- + Đất ở tại đô thị : 2,34 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

- + Quy hoạch đất quốc phòng xã Nà Nhạn;
- + Nâng cấp đường vào khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng;
- + Xuất tuyến 110KV sau TBA 220KV Điện Biên;
- + Dự án Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12 tỉnh Điện Biên; ...

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất rừng phòng hộ là 9.442,90 ha, chiếm 30,80% diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	4,39	7	Phường Thanh Trường	
2	Phường Mường Thanh	2,33	8	Xã Mường Phăng	
3	Phường Nam Thanh		9	Xã Nà Nhạn	3.369,06
4	Phường Noong Bua	1,14	10	Xã Nà Tấu	4.719,74
5	Phường Tân Thanh		11	Xã Pá Khoang	34,33
6	Phường Thanh Bình		12	Xã Thanh Minh	1.311,90
<b>Tổng</b>					<b>9.442,90</b>

### **3.2. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất rừng đặc dụng**

Diện tích năm 2020 là 2.316,05 ha; đến năm 2030 đất rừng đặc dụng thực tăng 2.120,50 ha so với năm 2020.

- Tăng 2.120,50 ha do đất trồng cây hàng năm khác và đất rừng sản xuất chuyển sang.

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất rừng đặc dụng là 4.436,55 ha, chiếm 14,47% diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam		7	Phường Thanh Trường	
2	Phường Mường Thanh		8	Xã Mường Phăng	1.983,26
3	Phường Nam Thanh		9	Xã Nà Nhạn	181,68
4	Phường Noong Bua		10	Xã Nà Tấu	
5	Phường Tân Thanh		11	Xã Pá Khoang	2.271,61
6	Phường Thanh Bình		12	Xã Thanh Minh	
<b>Tổng</b>					<b>4.436,55</b>

### **3.3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất**

Diện tích năm 2020 là 3.695,74 ha; đến năm 2030 đất rừng sản xuất thực giảm 395,72 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 488,90 ha do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng cây hàng năm khác : 488,90 ha.

Diện tích tăng để Hoàn thiện giao đất có rừng (những khu vực được cấp giấy) và giao đất không có rừng để khoanh nuôi phát triển rừng tại các xã, phường.

- Giảm 884,62 ha do chuyển sang các mục đích sau:

- + Đất trồng cây lâu năm : 18,29 ha;
- + Đất rừng phòng hộ : 32,48 ha;
- + Đất rừng đặc dụng : 508,40 ha;
- + Đất nông nghiệp khác : 2,99 ha;
- + Đất quốc phòng : 3,86 ha;
- + Đất an ninh : 1,26 ha;



+ Đất thương mại, dịch vụ	: 74,13 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 52,64 ha;
+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	: 4,20 ha;
+ Đất giao thông	: 64,58 ha;
+ Đất thủy lợi	: 0,30 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 4,21 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 8,26 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 3,77 ha;
+ Đất công trình năng lượng	: 0,58 ha;
+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa	: 1,00 ha;
+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	: 1,00 ha;
+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	: 6,21 ha;
+ Đất sinh hoạt cộng đồng	: 0,74 ha;
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	: 8,20 ha;
+ Đất ở tại nông thôn	: 19,31 ha;
+ Đất ở tại đô thị	: 58,22 ha;
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 5,87 ha;
+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	: 0,01 ha;
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	: 4,13 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

- + Quy hoạch trụ sở công an phường Noong Bua;
- + Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 279B;
- + Trại thực nghiệm thực hành trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên và phân mở rộng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên;
- + Xây dựng nhà thi đấu đa năng xã Pá Khoang (bên cạnh Ủy ban xã mới);...

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất rừng sản xuất là 3.300,02 ha, chiếm 10,76% diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	6,95	7	Phường Thanh Trường	0,00
2	Phường Mường Thanh	0,00	8	Xã Mường Phăng	238,86
3	Phường Nam Thanh	45,04	9	Xã Nà Nhạn	467,05
4	Phường Noong Bua	5,55	10	Xã Nà Tấu	852,99
5	Phường Tân Thanh	6,32	11	Xã Pá Khoang	1.351,33
6	Phường Thanh Bình		12	Xã Thanh Minh	325,93
<b>Tổng</b>					<b>3.300,02</b>

### **MỤC 3. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

#### **I. Hiện trạng sử dụng và biến động sử dụng đất nuôi trồng thủy sản**

##### **1. Hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản**

Diện tích là 600,25 ha, chiếm 1,96% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất ao, hồ có thể đưa vào nuôi trồng thủy sản không nhiều. Vì vậy, cần khuyến khích nhân dân tận dụng diện tích để nuôi trồng thủy sản. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bố trên 11 xã, phường, trong đó:

+ Phường Him Lam	:	25,37 ha;
+ Phường Mường Thanh	:	0,09 ha;
+ Phường Nam Thanh	:	12,98 ha;
+ Phường Noong Bua	:	13,37 ha;
+ Phường Thanh Bình	:	0,75 ha;
+ Phường Thanh Trường	:	26,50 ha;
+ Xã Mường Phăng	:	160,17 ha;
+ Xã Nà Nhạn	:	112,57 ha;
+ Xã Nà Tấu	:	36,30 ha;
+ Xã Pá Khoang	:	133,87 ha;
+ Xã Thanh Minh	:	78,29 ha.

Xã có diện tích đất nuôi trồng thủy sản lớn nhất là xã Pá Khoang (133,87 ha) và xã Mường Phăng (160,17 ha); phường Mường Thanh có diện tích đất nuôi trồng thủy sản nhỏ nhất: 0,09 ha.

##### **2. Biến động sử dụng đất nuôi trồng thủy sản**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2020 của thành phố là 600,25 ha, tăng 401,51 ha so với hiện trạng năm 2010 (198,74 ha).

Nhận thấy nguồn lợi từ phát triển mô hình thủy sản, nhiều hộ trên địa bàn thành phố tự tìm tòi học kinh nghiệm cũng như nguồn vốn để chuyển đổi những diện tích rau màu, lúa kém hiệu quả sang đầu tư mô hình cá - vịt. Chính quyền địa phương phối hợp với các ngành chức năng mở các lớp chuyên giao KHCN, là cầu nối giúp nông dân tiếp cận nguồn vốn để bà con yên tâm sản xuất.

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản kỳ trước**

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đất nuôi trồng thủy sản kỳ trước của thành phố Điện Biên Phủ đến ngày 31/12/2020 như sau:

Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 528,85 ha, kết quả thực hiện được 600,25 ha, cao hơn so với chỉ tiêu đã được duyệt 71,40 ha, đạt 113,50%. Nguyên nhân: trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích đất nuôi trồng thủy sản.

## **II. Phương án quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2030**

### **1. Mục tiêu**

Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững dựa trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên của thành phố, sản xuất theo quy mô hàng hóa, đa dạng hóa đối tượng và loại hình nuôi; đảm bảo vệ sinh an toàn sản phẩm thủy sản phục vụ cho tiêu thụ nội địa; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho đời sống cho người dân. Góp phần thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thành phố.

Trong những năm tới, trên cơ sở chỉ tiêu diện tích đất nuôi trồng thủy sản cần luận chứng cụ thể để lựa chọn những khu vực đất nuôi trồng thủy sản có hiệu quả sử dụng thấp nhất để chuyển sang các mục đích khác như xây dựng và phát triển các đô thị, khu dân cư nông thôn, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ du lịch, xây dựng các công trình công cộng, ... Phần diện tích còn lại cần khoanh định và giao cho các cấp chính quyền địa phương và người dân để quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt và sử dụng ổn định, lâu dài nhằm đảm bảo nhu cầu cho đời sống người dân.

## **2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản**

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tới, với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Huy động mọi nguồn lực để phát triển thành phố theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đầu tư khai thác theo chiều sâu tiềm năng, thế mạnh của thành phố, nhất là dịch vụ du lịch, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất nông nghiệp; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Sau khi tiến hành điều tra, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất tại cấp xã và cấp thành phố, chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất như sau:

Trong quy hoạch sử dụng đất thành phố Điện Biên Phủ thời kỳ 2021-2030, nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản thành phố tăng 26,13 ha.

## **3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản**

Diện tích năm 2020 là 600,25 ha; đến năm 2030 đất nuôi trồng thủy sản thực giảm 59,92 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 26,13 do đất thủy lợi chuyển sang.

- Giảm 86,05 ha do chuyển sang các mục đích sau:

+ Đất quốc phòng	: 1,65 ha;
+ Đất an ninh	: 0,71 ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	: 4,63 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 1,39 ha;
+ Đất giao thông	: 36,83 ha;
+ Đất thủy lợi	: 0,15 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 2,88 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,71 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 0,20 ha;
+ Đất công trình năng lượng	: 0,13 ha;

- + Đất sinh hoạt cộng đồng : 0,06 ha;
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 5,63 ha;
- + Đất ở tại nông thôn : 10,70 ha;
- + Đất ở tại đô thị : 18,66 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 1,06 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp : 0,18 ha;
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 0,48 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

- + Nâng cấp đường vào khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng;
- + Dự án đầu tư xây dựng đường Thanh Minh - Độc Lập và khu dân cư (đường vành đai phía Bắc) thành phố Điện Biên Phủ theo hình thức BT;
- + Dự án Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12 tỉnh Điện Biên;
- + Xây dựng công viên Hồ điều hòa;
- + Xây dựng điểm tái định cư số I, dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên (Điểm tái định cư mở rộng sân bay số 1 bao gồm: nhà văn hóa 1+2, trường mầm non, trường liên cấp C1-C2, ...); ...

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 540,33 ha, chiếm 1,76% diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	4,18	7	Phường Thanh Trường	6,31
2	Phường Mường Thanh	0,09	8	Xã Mường Phăng	155,41
3	Phường Nam Thanh	4,43	9	Xã Nà Nhạn	134,42
4	Phường Noong Bua	0,91	10	Xã Nà Tấu	34,27
5	Phường Tân Thanh		11	Xã Pá Khoang	133,23
6	Phường Thanh Bình	0,00	12	Xã Thanh Minh	67,09
<b>Tổng</b>					<b>540,33</b>

## **MỤC 4. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP**

### **I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

#### **1. Hiện trạng sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

##### ***1.1. Hiện trạng sử dụng đất thương mại - dịch vụ***

Thành phố Điện Biên Phủ có các tuyến Quốc lộ 12 và Quốc lộ 279, 279B chạy qua thông suốt với tỉnh Sơn La và tỉnh Lai Châu. Có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng cả về kinh tế, chính trị và Quốc phòng - An ninh, là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng giao thông với các huyện, tỉnh lân cận.

Diện tích là 42,00 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố tại 11 xã, phường.

+ Phường Him Lam	:	26,93 ha;
+ Phường Mường Thanh	:	2,13 ha;
+ Phường Nam Thanh	:	1,09 ha;
+ Phường Noong Bua	:	0,30 ha;
+ Phường Tân Thanh	:	2,80 ha;
+ Phường Thanh Bình	:	2,80 ha;
+ Phường Thanh Trường	:	4,72 ha;
+ Xã Mường Phăng	:	0,05 ha;
+ Xã Nà Nhạn	:	0,13 ha;
+ Xã Nà Tấu	:	0,52 ha;
+ Xã Thanh Minh	:	0,55 ha.

Diện tích đất thương mại, dịch vụ tập trung chủ yếu phường Him Lam (26,93 ha), phường Thanh Trường (4,72 ha),...

Năm 2020, có 155 hộ được cấp giấy chứng nhận kinh doanh (*cấp mới 105 hộ, cấp đổi 50 hộ và 04 giấy phép kinh doanh hợp tác xã*). Trên địa bàn thành phố hiện có 126 cơ sở lưu trú du lịch, 04 công ty lữ hành, 05 bản văn hóa du

lịch, 01 khu du lịch sinh thái, 35 đền di tích lịch sử, 05 danh lam thắng cảnh đáp ứng nhu cầu khách đến tham quan du lịch.

### ***1.2. Hiện trạng sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp***

Diện tích là 7,37 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố tại 7 xã, phường trên địa bàn thành phố, trong đó:

+ Phường Him Lam	: 5,41 ha;
+ Phường Nam Thanh	: 0,78 ha;
+ Phường Thanh Bình	: 0,08 ha;
+ Phường Thanh Trường	: 0,29 ha;
+ Xã Nà Nhạn	: 0,37 ha;
+ Xã Nà Tấu	: 0,10 ha;
+ Xã Thanh Minh	: 0,34 ha.

Diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại phường Him Lam (5,41 ha), phường Lam Thanh (0,78 ha),...

## **2. Biến động sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

### ***2.1. Biến động sử dụng đất thương mại - dịch vụ***

Diện tích hiện trạng sử dụng đất thương mại - dịch vụ năm 2020 của thành phố là 42,00 ha, tăng 42,00 ha so với hiện trạng năm 2010.

Hoạt động dịch vụ phục vụ du lịch trên địa bàn thành phố đa dạng, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, nguồn lợi thu được từ lĩnh vực này khá cao. Thương mại dịch vụ phát triển giúp người dân có thể dễ dàng tiếp cận với những tiên bộ của khoa học - kỹ thuật, tăng thêm thu nhập từ các hoạt động giao thương hàng hóa, dịch vụ du lịch.

### ***2.2. Biến động sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp***

Diện tích hiện trạng sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2020 của thành phố là 7,37 ha, giảm 32,28 ha so với hiện trạng năm 2010 (39,65 ha).

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tuy giảm, nhưng nguồn lợi thu được vẫn tăng. Sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hợp lý góp phần đưa nền kinh tế thành phố phát triển đúng định hướng đề ra, đồng thời giải quyết vấn đề việc làm cho một lượng không nhỏ người lao động.



### **3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp kỳ trước**

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp kỳ trước của thành phố Điện Biên Phủ đến ngày 31/12/2020 như sau:

#### ***3.1. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ kỳ trước***

Quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2020 là 101,19 ha, kết quả thực hiện được 42,00 ha, đạt 41,50% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (thấp hơn chỉ tiêu 59,19 ha). Nguyên nhân do một số công trình dự án thực hiện còn chậm tiến độ, chưa thực hiện được do thiếu nguồn vốn như:

- + Cửa hàng xăng dầu xã Mường Phăng;
- + Dự án Khu đất xây dựng Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại thành phố Điện Biên Phủ; phường Mường Thanh;
- + Khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí dịch vụ nhà hàng và biệt thự nghỉ dưỡng Hồng Lú, phường Noong Bua;
- + Dự án thương mại nằm thuộc dự án hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60 m;...

#### ***3.2. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp kỳ trước***

Quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2020 là 12,82 ha, kết quả thực hiện được 7,37 ha, đạt 57,51% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (thấp hơn chỉ tiêu 5,45 ha). Nguyên nhân do một số công trình dự án thực hiện còn chậm tiến độ, chưa thực hiện được do thiếu nguồn vốn như:

- + Dự án xử lý nước thải, phường Thanh Trường;
- + Hệ thống thoát nước thu gom xử lý nước thải thành Phố Điện Biên Phủ, phường Nam Thanh;...

## **II. Phương án quy hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2030**

### **1. Mục tiêu**

Quá trình hội nhập và tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ làm nảy sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa việc bảo vệ diện tích đất nông nghiệp với việc phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Trong những năm tới, trên cơ sở chỉ tiêu diện tích đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được phân bổ cần luận chứng cụ thể để lựa chọn những khu vực đất nông nghiệp có hiệu quả sử dụng đất thấp hoặc các khu vực đất phi nông nghiệp không còn phù hợp với thực tế để xây dựng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao. Phần diện tích cần khoanh định và giao cho các cấp chính quyền địa phương và người dân để quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt và sử dụng ổn định, lâu dài nhằm đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả xã hội.

### **2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tới, với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Huy động mọi nguồn lực để phát triển thành phố; đầu tư khai thác theo chiều sâu tiềm năng, thế mạnh của thành phố, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Sau khi tiến hành điều tra, tổng hợp, nhu cầu sử dụng đất tại cấp xã, phường và cấp thành phố đến năm 2030 như sau:

- Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 tăng thêm 217,88 ha, tại các xã Nà Tấu, Pá Khoang, phường Him Lam, Noong Bua, Mường Thanh,...

- Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2030 tăng thêm 121,25 ha tại phường Him Lam, phường Nam Thanh, xã Thanh Minh, ...

### **3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

#### **3.1. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất thương mại - dịch vụ**

Diện tích năm 2020 là 42,00 ha; đến năm 2030 đất thương mại dịch vụ thực tăng 212,98 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 217,88 ha do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	: 27,19 ha;
+ Đất trồng cây hàng năm khác	: 66,78 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	: 6,71 ha;
+ Đất rừng sản xuất	: 74,13 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	: 4,63 ha.
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 1,09 ha;
+ Đất giao thông	: 7,86 ha;
+ Đất thủy lợi	: 2,57 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,10 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,08 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 2,89 ha;
+ Đất ở tại nông thôn	: 0,34 ha;
+ Đất ở tại đô thị	: 3,12 ha;
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	: 20,10 ha;
+ Đất chưa sử dụng	: 0,29 ha.

Diện tích tăng để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Quy hoạch Dự án khu đất trung tâm thương mại và nhà ở thương mại phường Mường Thanh;

+ Khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, dịch vụ nhà hàng và biệt thự nghỉ dưỡng Hồng Lúu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

+ Chợ và thương mại dịch vụ Mường Thanh;

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Him Lam giai đoạn II, thành phố Điện Biên Phủ;...

- Giảm 4,90 ha do chuyển sang các mục đích sau:

- + Đất quốc phòng : 0,25 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 1,00 ha;
- + Đất giao thông : 1,65 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,43 ha;
- + Đất xử tại nông thôn : 0,90 ha;
- + Đất ở tại đô thị : 0,66 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Quy hoạch trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên, phường Him Lam;

+ Dự án Khu đất xây dựng Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại thành phố Điện Biên Phủ;

+ Điều tái định cư thuộc dự án: Cải tạo và nâng cấp Trụ sở Thành ủy - HĐND - UBND thành phố Điện Biên Phủ;

+ Quy hoạch đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; ...

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất thương mại dịch vụ là 254,98 ha, chiếm 0,83% diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	44,59	7	Phường Thanh Trường	19,38
2	Phường Mường Thanh	4,83	8	Xã Mường Phăng	0,22
3	Phường Nam Thanh	7,57	9	Xã Nà Nhạn	0,13
4	Phường Noong Bua	14,32	10	Xã Nà Tấu	0,61
5	Phường Tân Thanh	2,80	11	Xã Pá Khoang	
6	Phường Thanh Bình	3,33	12	Xã Thanh Minh	157,19
<b>Tổng</b>					<b>254,98</b>

### **3.2. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Diện tích năm 2020 là 7,37 ha; đến năm 2030 đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực tăng 119,06 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 121,25 ha do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	: 1,67 ha;
+ Đất trồng cây hàng năm khác	: 60,00 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	: 4,55 ha;
+ Đất rừng sản xuất	: 52,64 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	: 1,39 ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	: 1,00 ha.

Diện tích tăng để thực hiện công trình, dự án:

+ Quy hoạch trạm xử lý nước thành phố Điện Biên Phủ, phường Him Lam;

+ Quy hoạch đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, phường Him Lam;

+ Quy hoạch khu tiêu thụ công nghiệp chế biến rong riềng xã Nà Tấu.

- Giảm 2,19 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất thương mại, dịch vụ	: 1,09 ha;
+ Đất giao thông	: 0,39 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,36 ha;
+ Đất ở tại đô thị	: 0,35 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Dự án: Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên (Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030);

+ Điểm tái định cư số 3 dự án nâng cấp, cải tạo cảng hàng không Điện Biên (Bổ sung điểm tái định cư C13 mở rộng phường Thanh Trường);

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Him Lam giai đoạn II, thành phố Điện Biên Phủ; ...

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 126,43 ha, chiếm 0,41% diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	9,61	7	Phường Thanh Trường	
2	Phường Mường Thanh		8	Xã Mường Phăng	
3	Phường Nam Thanh	11,43	9	Xã Nà Nhạn	0,01
4	Phường Noong Bua		10	Xã Nà Tấu	12,10
5	Phường Tân Thanh		11	Xã Pá Khoang	
6	Phường Thanh Bình	0,08	12	Xã Thanh Minh	93,20
<b>Tổng</b>					<b>126,43</b>

## **MỤC 5. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT ĐÔ THỊ**

### **I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất đô thị**

#### **1. Hiện trạng sử dụng đất đô thị**

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất đô thị là 2.505.63 ha, chiếm 8,17% tổng diện tích tự nhiên.



*Diện mạo thành phố Điện Biên Phủ có nhiều khởi sắc*

Trong đó:

- Đất nông nghiệp: Diện tích là 1.305,28 ha, chiếm 4,26% tổng diện tích tự nhiên của thành phố.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 1.195,88 ha, chiếm 3,90% tổng diện tích tự nhiên của thành phố.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích là 4,47 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên của thành phố.

Trải qua 28 năm xây dựng trưởng thành, thành phố Điện Biên Phủ đang trong quá trình đô thị hóa và phát triển mạnh mẽ. Xây dựng thành phố Điện Biên Phủ phát triển toàn diện, bền vững, cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II vào năm 2025 là mục tiêu và quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn thành phố.

## **2. Biến động sử dụng đất đô thị trong kỳ quy hoạch trước**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đô thị năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ là 2.505,63 ha, tăng 103,82 ha so với hiện trạng năm 2010 (2.401,81 ha). Trong đó:

- Đất nông nghiệp: Diện tích năm 2020 là 1.305,28 ha, tăng 128,03 ha so với năm 2010 (1.177,25 ha).

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích năm 2020 là 1.195,88 ha, tăng 17,11 ha so với năm 2010 (1.178,77 ha).

- Đất chưa sử dụng: Diện tích năm 2020 là 4,47 ha, giảm 41,32 ha so với năm 2012 (45,79 ha)

Trong những năm qua tổng diện đất đô thị của thành phố Điện Biên Phủ có nhiều biến động. Diện tích đất đô thị năm 2020 là 2.505,63 ha, tăng 103,82 ha so với năm 2010. Chủ yếu là do sự khác nhau giữa phương pháp kiểm kê giữa 2 kỳ năm 2014 và 2019; do sáp nhập 4 xã Mường Phăng, Nà Nhạn, Nà Tấu, Pá Khoang và 1 phần diện tích xã Thanh Luông, Thanh Hưng của thành phố Điện Biên vào thành phố Điện Biên Phủ.

## **3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đô thị kỳ trước**

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đô thị kỳ trước của thành phố Điện Biên Phủ đến ngày 31/12/2020 như sau:

- Diện tích quy hoạch sử dụng đất đô thị được duyệt đến năm 2020 là 2.401,81 ha, kết quả thực hiện được là 2.505,63 ha, đạt 104,32% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (cao hơn chỉ tiêu 103,82 ha). Cụ thể các loại đất như sau:

\* Đất nông nghiệp: Diện tích quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 là 804,24 ha, kết quả thực hiện 1.305,28 ha đạt 162,3% quy hoạch được duyệt, cao hơn so với chỉ tiêu 501,4 ha. Nguyên nhân, trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích đất nông nghiệp.



- Đất phi nông nghiệp: Diện tích quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 1.582,76 ha, kết quả thực hiện 1.195,88 ha đạt 76,00% quy hoạch được duyệt, thấp hơn so với chỉ tiêu 386,88 ha. Nguyên nhân, do một số công trình dự án thực hiện còn chậm tiến độ, chưa thực hiện được như:

- + Diêm tái định cư Him Lam WB;
- + Xây dựng diêm tái định cư số I, dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên (Diêm tái định cư mở rộng sân bay số 1);
- + Xây dựng diêm tái định cư số III, dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên; ...

Mặt khác, do trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích quy hoạch đất chưa sử dụng đến năm 2020 là 14,81 ha, kết quả thực hiện 4,47 ha đạt 30,17% quy hoạch được duyệt, thấp hơn so với chỉ tiêu 10,34 ha. Nguyên nhân, do trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích đất chưa sử dụng.

## **II. Phương án quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2030**

### **1. Mục tiêu**

Xây dựng các khu trung tâm theo cấp để phục vụ nhu cầu người dân các phường và vùng phụ cận. Tận dụng điều kiện tự nhiên, tạo không gian cây xanh gắn với mặt nước thành hệ thống không gian mở liên hoàn vừa đảm bảo thoát nước vừa tạo môi trường cảnh quan và là khu vực vui chơi giải trí cho nhân dân đô thị. Khu vực dân cư hiện trạng được cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật để tạo môi trường ở theo hướng văn minh. Khu vực xây dựng mới đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ kiến trúc hiện đại, có môi trường cảnh quan đẹp.

Xây dựng công viên, khu vui chơi giải trí. Xây dựng hệ thống giao thông hợp lý phục vụ tốt cho hoạt động phát triển kinh tế và đảm bảo sự phát triển bền

vững cho đô thị. Xây dựng các tuyến giao thông trục chính liên kết trực tiếp đến các tuyến giao thông quan trọng của quốc gia đi qua khu vực tạo thuận lợi cho giao lưu và thu hút đầu tư.

Tập trung đầu tư nguồn lực, thu hút vốn đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng như: Đường giao thông, cơ sở sản xuất, chế biến các sản phẩm có nguyên liệu từ nông, lâm sản; Đồng thời, có cơ chế thu hút xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp đầu tư cho lâm nghiệp, nông nghiệp tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

## **2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất đô thị**

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tới, với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Huy động mọi nguồn lực để phát triển thành phố; đầu tư khai thác theo chiều sâu tiềm năng, thế mạnh của thành phố, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Đến năm 2030 diện tích đất đô thị của thành phố Điện Biên Phủ vẫn giữ nguyên so với hiện trạng năm 2020 là 2.505.63 ha. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo mục tiêu Xây dựng thành phố Điện Biên Phủ phát triển toàn diện, bền vững, cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II vào năm 2025, các chỉ tiêu sử dụng đất của thành phố có xu hướng dịch chuyển tăng diện tích đất phi nông nghiệp và đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

## **3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất đô thị**

Diện tích đất đô thị đến năm 2030 là 2.505.63 ha không đổi so với năm 2020. Trong đó vẫn có sự thay đổi diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 625,34 ha, giảm 679,95 ha so với năm 2020.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 1.876,98 ha, tăng 681,11 ha so với năm 2020.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 3,31 ha, giảm 1,16 ha so với năm 2020.

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất đô thị là 2.505,63 ha, chiếm 8,17% tổng diện tích tự nhiên của toàn thành phố.

## **MỤC 6. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT ĐÁT GIAO THÔNG, ĐẤT THỦY LỢI**

### **I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi**

#### **1. Hiện trạng sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi**

##### ***1.1. Hiện trạng sử dụng đất giao thông***

Diện tích là 488,69 ha, chiếm 1,59% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất giao thông trên địa bàn các xã, phường như sau:

+ Phường Him Lam	: 61,54 ha;
+ Phường Mường Thanh	: 27,44 ha;
+ Phường Nam Thanh	: 32,93 ha;
+ Phường Noong Bua	: 48,15 ha;
+ Phường Tân Thanh	: 15,80 ha;
+ Phường Thanh Bình	: 18,19 ha;
+ Phường Thanh Trường	: 82,97ha;
+ Xã Mường Phăng	: 33,86 ha;
+ Xã Nà Nhạn	: 33,35 ha;
+ Xã Nà Tấu	: 26,40 ha;
+ Xã Pá Khoang	: 29,31 ha;
+ Xã Thanh Minh	: 78,76 ha.

Hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tiếp tục được đầu tư; công tác chỉnh trang đô thị được quan tâm; thực hiện hiệu quả các đợt ra quân lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông, giải phóng lòng đường, vỉa hè. Việc triển khai các công trình dự án được quan tâm chỉ đạo cả về chất lượng, tiến độ thời gian, môi trường cảnh quan, an toàn lao động trong quá trình thực hiện.

##### ***1.2. Hiện trạng sử dụng đất thủy lợi***

Diện tích là 81,16 ha, chiếm 0,26% tổng diện tích tự nhiên của thành phố. Phân bố trên 12 xã, phường như sau:

+ Phường Him Lam	: 6,44 ha;
+ Phường Mường Thanh	: 1,73 ha;
+ Phường Nam Thanh	: 5,50 ha;
+ Phường Noong Bua	: 4,66 ha;

+ Phường Tân Thanh	:	0,49 ha;
+ Phường Thanh Bình	:	1,39 ha;
+ Phường Thanh Trường	:	9,21 ha;
+ Xã Mường Phăng	:	3,01 ha;
+ Xã Nà Nhạn	:	35,36 ha;
+ Xã Nà Tấu	:	2,05 ha;
+ Xã Pá Khoang	:	7,31 ha;
+ Xã Thanh Minh	:	4,00 ha.

Hệ thống thủy lợi của thành phố đã được đầu tư xây dựng và cải tạo để phục vụ việc sản xuất, phục vụ tiêu thoát nước mặt, nước sinh hoạt và cung cấp nước sạch phục vụ cuộc sống của nhân dân.

## **2. Biến động sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi trong kỳ quy hoạch trước**

### **2.1. Biến động sử dụng đất giao thông trong kỳ quy hoạch trước**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất giao thông năm 2020 của thành phố là 488,69 ha, tăng 98,13 ha so với hiện trạng năm 2010 (390,56 ha).

Bằng các nguồn vốn đầu tư từ đầu nhiệm kỳ đến nay, thành phố xây dựng được 30 km đường bê tông, mở rộng và nâng cấp được 2 km đường (bê tông áp phan). Đến nay trên địa bàn thành phố có tổng số 176,8 km đường giao thông; trong đó: Đường nhựa và thảm nhựa 70,8 km; đường cấp phối 9,6km; đường bê tông xi măng 96,4 km, còn lại là đường đất. Lát vỉa hè được 85.586 m<sup>2</sup>; xây dựng được 11,45 km điện chiếu sáng đô thị. Công tác quyết toán dự án hoàn thành luôn được đẩy nhanh, hoàn thành quyết toán trên 220 công trình với tổng số vốn đạt gần 500 tỷ đồng.

*(Nguồn: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên)*

### **2.2. Biến động sử dụng đất thủy lợi trong kỳ quy hoạch trước**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất thủy lợi năm 2020 của thành phố là 81,16 ha, giảm 260,17 ha so với hiện trạng năm 2010 (341,33 ha).

Kênh thủy nông nông của khu vực chạy qua địa bàn thành phố đã được đầu tư: Như hồ Huổi Phạ, kênh thủy nông Nậm Rốm, ... phục vụ tốt cho phát

triển sản xuất kinh tế nông nghiệp. Ngoài việc đầu tư nâng cấp các công trình có sẵn và cần phải có những công trình thủy lợi mới phục vụ cho tưới tiêu.

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi**

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giao thông kỳ trước của thành phố Điện Biên Phủ đến ngày 31/12/2020 như sau:

#### **3.1. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giao thông**

Quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2020 là 682,02 ha, kết quả thực hiện được 488,69 ha, đạt 71,65% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (thấp hơn chỉ tiêu 193,33 ha). Nguyên nhân do một số công trình dự án thực hiện còn chậm tiến độ, chưa thực hiện được do thiếu nguồn vốn như:

- + Quy hoạch đường vào nghĩa trang C1 phường Thanh Trường;
- + Đường 60 m (thuộc quy hoạch khu đô thị mới phía Đông, thành phố Điện Biên Phủ;
- + Xây dựng tuyến đường từ cầu A1 - Cầu C4;
- + Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên;
- + Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 279B; ...

Mặt khác, trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích đất giao thông.

#### **3.2. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thủy lợi**

Quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2020 là 193,46 ha, kết quả thực hiện được 81,16 ha, đạt 41,95% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (thấp hơn chỉ tiêu 112,30 ha). Nguyên nhân do trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích đất thủy lợi.

## **II. Phương án quy hoạch sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi đến năm 2030**

### **1. Mục tiêu**

Kết cấu hạ tầng nói chung và kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi nói riêng là nền tảng vật chất có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Có kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi vận tải đồng bộ, hiện đại, kết nối đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, ... thì nền kinh tế mới có điều kiện để tăng trưởng nhanh, ổn định và bền vững.

Trong những năm tới, trên cơ sở chỉ tiêu diện tích đất giao thông, thủy lợi được phân bổ cần có luận chứng cụ thể để lựa chọn những khu vực, địa điểm phù hợp và cần thiết để xây dựng, làm đường giao thông, thủy lợi nhằm đem lại điều kiện đi lại thuận tiện phát triển các đô thị, khu dân cư nông thôn, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ du lịch, xây dựng các công trình công cộng, ... Phân diện tích đất giao thông khoanh định và giao cho các cấp chính quyền địa phương và người dân để quản lý và sử dụng ổn định, lâu dài nhằm đảm bảo nhu cầu đời sống người dân, thu hút, nâng cao vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Ổn định đất giao thông, thủy lợi gắn với đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống công trình giao thông lớn, các trục giao thông xã, phường.

### **2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi**

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tới, với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Huy động mọi nguồn lực để phát triển thành phố; đầu tư khai thác theo chiều sâu tiềm năng, thế mạnh của thành phố, nhất là dịch vụ du lịch, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất nông nghiệp; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Sau khi tiến hành điều tra, tổng hợp:

- Nhu cầu sử dụng đất giao thông đến năm 2030 tăng thêm 484,47 ha, thực các công trình dự án bao gồm các công trình dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây mới đường giao thông trên địa bàn các xã, phường.

- Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi đến năm 2030 tăng thêm 9,49 ha để thực hiện các công trình dự án, gồm các công trình như mương thoát nước, hệ thống nước sinh hoạt, kè, ...

### **3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất giao thông, đất thủy lợi**

#### **3.1. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất giao thông**

Diện tích hiện trạng 2020 là 488,69 ha; đến năm 2030 đất giao thông thực tăng 408,74 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 484,47 ha lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa	: 173,44 ha;
+ Đất trồng cây hàng năm khác	: 72,36 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	: 40,94 ha;
+ Đất rừng phòng hộ	: 17,10 ha;
+ Đất rừng sản xuất	: 64,58 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	: 36,83 ha;
+ Đất nông nghiệp khác	: 0,06 ha;
+ Đất quốc phòng	: 2,70 ha;
+ Đất an ninh	: 1,17 ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	: 1,65 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 0,39 ha;
+ Đất thủy lợi	: 12,47 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 1,23 ha;
+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	: 1,00 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	: 2,19 ha;
+ Đất sinh hoạt cộng đồng	: 0,15 ha;
+ Đất ở tại nông thôn	: 4,90 ha;
+ Đất ở tại đô thị	: 24,75 ha;
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,09 ha;



- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 25,32 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng : 1,00 ha;
- + Đất chưa sử dụng : 0,15 ha.

Diện tích tăng để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Nâng cấp đường vào khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng;

+ Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 279B;

+ Dự án: Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên (Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030);

+ Hạ tầng kỹ thuật khung trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60 m (bao gồm: tái định cư số 1,2,3 phường Him Lam và Tái định cư Phiêng Bua phường Noong Bua, ...);

+ Dự án Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12 tỉnh Điện Biên; ...

- Giảm 75,73 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất an ninh : 0,22 ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ : 7,86 ha;
- + Đất thủy lợi : 0,55 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở văn hoá : 4,12 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,30 ha;
- + Đất công trình năng lượng : 0,04 ha;
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 13,40 ha;
- + Đất ở tại nông thôn : 11,06 ha;
- + Đất ở tại đô thị : 36,39 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,51 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp : 0,14 ha;

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 1,15 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên;

+ Xây dựng điểm tái định cư số I, dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên (Điểm tái định cư mở rộng sân bay số 1 bao gồm: nhà văn hóa 1+2, trường mầm non, trường liên cấp C1-C2, ...);

+ Khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, dịch vụ nhà hàng và biệt thự nghỉ dưỡng Hồng Lú, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

+ Quy hoạch trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh, phường Noong Bua; ...

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất giao thông là 897,43 ha, chiếm 2,93% diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	106,73	7	Phường Thanh Trường	236,96
2	Phường Mường Thanh	28,41	8	Xã Mường Phăng	52,21
3	Phường Nam Thanh	45,01	9	Xã Nà Nhạn	48,33
4	Phường Noong Bua	84,68	10	Xã Nà Tấu	46,85
5	Phường Tân Thanh	15,90	11	Xã Pá Khoang	45,70
6	Phường Thanh Bình	31,65	12	Xã Thanh Minh	155,01
<b>Tổng</b>					<b>897,43</b>

### ***3.2. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi***

Diện tích hiện trạng 2020 là 81,16 ha; đến năm 2030 đất thủy lợi thực giảm 50,16 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 9,49 ha lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa : 4,81 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác : 2,76 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm : 0,80 ha;

+ Đất rừng sản xuất : 0,30 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản : 0,15 ha;

- + Đất giao thông : 0,55 ha;
- + Đất ở tại nông thôn : 0,12 ha.

Diện tích tăng để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Nậm Rốm đoạn chảy qua bản Nà Nhạn và bản Huổi Hẹ xã Nà Nhạn;

+ Đường ống cấp nước thô cho nhà máy nước Thành phố Điện Biên Phủ từ hồ Nậm Khâu Hu đến ngã ba chia nước bản Pa Pôm, xã Thanh Minh;

+ Quy hoạch Thủy lợi ông Di (Phai + Kênh) Xã Mường Phăng;...

- Giảm 59,66 ha do chuyển sang:

- + Đất nuôi trồng thủy sản : 26,13 ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ : 2,57 ha;
- + Đất giao thông : 12,47 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở văn hoá : 1,76 ha;
- + Đất công trình năng lượng : 0,03 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng : 0,01 ha;
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 2,92 ha;
- + Đất ở tại nông thôn : 0,50 ha;
- + Đất ở tại đô thị : 4,30 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,50 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp : 0,02 ha.
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 0,99 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng : 7,46 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Dự án: Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên (Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030);

+ Đường 60 m (thuộc quy hoạch khu đô thị mới phía Đông, thành phố

Điện Biên Phủ;

+ Xây dựng công viên Hồ điều hòa;...

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất thủy lợi là 31,00 ha, chiếm 0,10% diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	2,09	7	Phường Thanh Trường	1,45
2	Phường Mường Thanh	1,59	8	Xã Mường Phăng	2,95
3	Phường Nam Thanh	0,45	9	Xã Nà Nhạn	7,85
4	Phường Noong Bua	0,49	10	Xã Nà Tấu	1,55
5	Phường Tân Thanh	0,40	11	Xã Pá Khoang	5,31
6	Phường Thanh Bình	4,64	12	Xã Thanh Minh	2,23
<b>Tổng</b>					<b>31,00</b>

## **MỤC 7. CHUYÊN ĐỀ KHU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

### **I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp**

#### **1. Hiện trạng sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp**

Khu sản xuất nông nghiệp bao gồm khu vực chuyên trồng lúa nước và khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm. Diện tích khu sản xuất nông nghiệp hiện trạng năm 2020 là 15.149,21 ha, chiếm 49,41% tổng diện tích tự nhiên của thành phố. Diện tích phân bố trên địa bàn các xã, phường như sau:

+ Phường Him Lam	: 309,19 ha;
+ Phường Mường Thanh	: 101,91 ha;
+ Phường Nam Thanh	: 374,05 ha;
+ Phường Noong Bua	: 187,27 ha;
+ Phường Tân Thanh	: 60,24 ha;
+ Phường Thanh Bình	: 46,80 ha;
+ Phường Thanh Trường	: 552,25 ha;
+ Xã Mường Phăng	: 1.824,67 ha;
+ Xã Nà Nhạn	: 4.356,63 ha;
+ Xã Nà Tấu	: 2.976,56 ha;
+ Xã Pá Khoang	: 1.821,19 ha;
+ Xã Thanh Minh	: 309,19 ha.

Xã có diện tích khu sản xuất nông nghiệp lớn nhất là xã Nà Nhạn (4.356,63 ha), xã Nà Tấu (2.976,56 ha); phường Tân Thanh có diện tích đất khu sản xuất nông nghiệp nhỏ nhất là 60,24 ha.

#### **2. Biến động sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp trong kỳ quy hoạch trước**

Diện tích hiện trạng khu sản xuất nông nghiệp năm 2020 là 15.149,21 ha, tăng 8.092,12 ha so với năm 2010 (7.057,06 ha).

Phát triển khu sản xuất nông nghiệp của thành phố được thể hiện trước hết ở việc khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả diện tích đất; tuy nhiên nếu được đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, sử dụng giống lúa mới và thâm canh tăng vụ tại các diện tích đất chuyên trồng lúa nước hiện có như vậy sẽ tiếp tục nâng cao

sản lượng, chất lượng sản phẩm khu sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất cây lâu năm khá ít nhưng cũng khá thuận lợi để thành phố có thể phát triển vùng cây công nghiệp có giá trị kinh tế và tăng độ che phủ rừng.

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp**

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp kỳ trước của thành phố Điện Biên Phủ đến ngày 31/12/2020 như sau:

Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 khu sản xuất nông nghiệp là 9.788,20 ha, kết quả thực hiện được 15.149,21 ha, cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 5.361,01 ha, đạt 154,77% so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân, trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích khu sản xuất nông nghiệp.

## **II. Phương án quy hoạch sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp đến năm 2030**

### **1. Mục tiêu**

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh lương thực, chuyển đổi cơ cấu cây trồng cần xây dựng các khu sản xuất nông nghiệp tập trung, đáp ứng các khả năng sản xuất của người dân.

Quy hoạch để xây dựng các khu sản xuất nông nghiệp với các điều kiện về cơ sở hạ tầng kỹ thuật hấp dẫn, thu hút nhà đầu tư. Thúc đẩy sự phát triển của toàn khu vực.

Chủ động quỹ đất, đáp ứng cho nhu cầu phát triển, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực và của toàn thành phố. Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng, phù hợp với định hướng phát triển không gian về lâu dài, đồng thời đáp ứng nhu cầu, chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành, các địa phương cụ thể để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo

hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và chiến lược phát triển bền vững của thành phố.

Tập trung đầu tư nguồn lực, thu hút vốn đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng kết hợp xây dựng khu sản xuất nông nghiệp. Tạo cơ sở pháp lý cho việc xúc tiến đầu tư, thực hiện các thủ tục giao đất, thu hồi đất, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả, từng bước nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa thành phố.

## **2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp**

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tới, với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Huy động mọi nguồn lực để phát triển thành phố; đầu tư khai thác theo chiều sâu tiềm năng, thế mạnh của thành phố, nhất là dịch vụ du lịch, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất nông nghiệp; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Sau khi tiến hành điều tra, tổng hợp, thành phố không có nhu cầu tăng thêm diện tích đất khu sản xuất nông nghiệp đến năm 2030.

## **3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp**

Diện tích năm 2020 là 15.149,21 ha, đến năm 2030 khu sản xuất nông nghiệp thực giảm 4.984,21 ha. Trong đó:

- Giảm 4.984,21 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất rừng phòng hộ	: 2.188,17 ha;
+ Đất rừng đặc dụng	: 1.612,10 ha;
+ Đất rừng sản xuất	: 488,90 ha;
+ Đất nông nghiệp khác	: 4,34 ha;
+ Đất quốc phòng	: 15,62 ha;
+ Đất an ninh	: 11,95 ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	: 98,22 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 65,94 ha;
+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	: 1,53 ha;
+ Đất giao thông	: 239,32 ha;

+ Đất thủy lợi	: 42,03 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 8,38 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,38 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 5,66 ha;
+ Đất ở cơ sở thể dục thể thao	: 2,59 ha;
+ Đất công trình năng lượng	: 11,12 ha;
+ Đất công trình bưu chính, viễn thông	: 0,69 ha;
+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa	: 2,24 ha;
+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	: 0,50 ha
+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	: 0,83 ha;
+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	: 0,98 ha;
+ Đất chợ	: 0,20 ha;
+ Đất sinh hoạt cộng đồng	: 3,62 ha;
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	: 9,98 ha;
+ Đất ở tại nông thôn	: 80,99 ha;
+ Đất ở tại đô thị	: 66,96 ha;
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 1,06 ha;
+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	: 0,71 ha;
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	: 19,20 ha.

Như vậy đến năm 2030 diện tích khu sản xuất nông nghiệp là 10.165,00 ha, chiếm 33,16% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích khu sản xuất nông nghiệp phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam	236,41	7	Phường Thanh Trường	356,13
2	Phường Mường Thanh	80,16	8	Xã Mường Phăng	1106,26
3	Phường Nam Thanh	306,39	9	Xã Nà Nhạn	3456,52
4	Phường Noong Bua	129,83	10	Xã Nà Tấu	1620,48
5	Phường Tân Thanh	65,97	11	Xã Pá Khoang	818,10
6	Phường Thanh Bình	43,34	12	Xã Thanh Minh	1945,39
<b>Tổng</b>					<b>10.165,00</b>



## **MỤC 8. CHUYÊN ĐỀ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN**

### **I. Hiện trạng và biến động sử dụng đất khu dân cư nông thôn**

#### **1. Hiện trạng sử dụng đất khu dân cư nông thôn**

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất khu dân cư nông thôn là 287,88 ha, chiếm 0,94% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích phân bố tại 5 xã trên địa bàn thành phố:

+ Xã Mường Phăng	: 59,39 ha;
+ Xã Nà Nhạn	: 42,55 ha;
+ Xã Nà Tấu	: 57,74 ha;
+ Xã Thanh Minh	: 41,23 ha.

Thực hiện triển khai các giải pháp để hoàn thành và công nhận phố, bản đạt “Thôn, bản nông thôn kiểu mẫu”, yêu cầu mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới có từ 01 đến 02 phố, bản nông thôn mới kiểu mẫu; thực hiện đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm”, yêu cầu mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới có ít nhất một sản phẩm OCOP trở lên, năm 2020 thành phố có 07 sản phẩm OCOP đăng ký tham gia dự thi đánh giá và phân hạng, qua đánh giá xếp hạng có 03/07 sản phẩm đủ điều kiện tham gia đánh giá xếp hạng cấp tỉnh (Mắc ca Điện Biên, Miến dong Hồng Phước, Gạo nếp tan Mường Phăng).

*(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021)*

#### **2. Biến động sử dụng đất khu dân cư nông thôn trong kỳ quy hoạch trước**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất khu dân cư nông thôn năm 2020 là 287,88 ha, tăng 37,68 ha so với hiện trạng năm 2010 (250,20).

UBND thành phố đã thực hiện kiện toàn Ban chỉ đạo, Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định ban hành điều chỉnh, bổ sung quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ của Ban chỉ đạo, chỉ đạo rà soát, kiểm tra thực hiện các tiêu chí, kiểm tra quản lý các hạng mục công trình về xây dựng nông thôn mới tại các xã; hướng dẫn các xã tiếp tục triển khai thi công các công trình

xây dựng hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt và duy trì phát triển bền vững, nâng cao các tiêu chí đã đạt được. Đến hết năm 2020, thành phố có 4/5 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: Thanh Minh, Nà Tấu, Nà Nhạn, Mường Phăng, và chưa đạt là Pá Khoang hiện mới đạt 11/19 tiêu chí.

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất khu dân cư nông thôn**

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Điện Biên Phủ. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất khu dân cư nông thôn kỳ trước của thành phố Điện Biên Phủ đến ngày 31/12/2020 như sau:

Quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2020 là 255,62 ha, kết quả thực hiện được 287,88 ha, đạt 112,62% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (cao hơn chỉ tiêu 32,26 ha). Nguyên nhân:

- Theo quy hoạch được duyệt dự kiến trong giai đoạn 2011-2020 sẽ chuyển 1,51 ha đất chưa sử dụng sang các đất khu dân cư nông thôn, tuy nhiên trong giai đoạn này trên địa bàn thành phố mới chuyển được 0,11 ha để thực hiện các công trình dự án, bên cạnh đó một số công trình dự án thực hiện còn chậm tiến độ, chưa thực hiện được do thiếu nguồn vốn như:

+ Xây dựng các khu tái định cư thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp QL279B tỉnh Điện Biên;

+ Dự án đất ở thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Thanh Minh - Độc Lập và khu dân cư (đường vành đai phía Bắc) thành phố Điện Biên Phủ theo hình thức BT;...

- Mặt khác, trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thành phố thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019, trong đó có rà soát lại diện tích đất khu dân cư nông thôn.

## **II. Phương án quy hoạch sử dụng đất khu dân cư nông thôn đến năm 2030**

### **1. Mục tiêu**

Quy hoạch sử dụng đất các xã xây dựng các điểm dân cư nông thôn trong phương án quy hoạch sử dụng đất gắn với các tiêu chí quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xóa đói giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa thành thị và nông thôn.

Trong những năm tới, cần đưa ra luận chứng cụ thể để bố trí đồng bộ đất sử dụng cho mục đích xây dựng các công trình công cộng, công trình sự nghiệp, bảo đảm vệ sinh môi trường và cảnh quan khu dân cư nông thôn hiện đại. Phân diện tích cần khoan định và giao cho các cấp chính quyền địa phương và người dân để quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt và sử dụng ổn định, lâu dài nhằm đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả xã hội.

Tập trung đầu tư nguồn lực, thu hút vốn đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng như: Đường giao thông, cơ sở sản xuất, chế biến các sản phẩm có nguyên liệu từ nông, lâm sản; Đồng thời, có cơ chế thu hút xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp đầu tư cho lâm nghiệp, nông nghiệp tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

### **2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất khu dân cư nông thôn**

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tới, với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Huy động mọi nguồn lực để phát triển thành phố; đầu tư khai thác theo chiều sâu tiềm năng, thế mạnh của thành phố, nhất là dịch vụ du lịch, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất nông - lâm nghiệp; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Đến năm 2030 nhu cầu sử dụng đất khu dân cư nông thôn tăng 151,09 ha, diện tích tăng để thực hiện khu giãn dân, bố trí khu dân cư mới tại xã Mường Phăng, Nà Nhạn, Nà Tấu, Pá Khoang, Thanh Minh.

### **3. Tổng hợp cân đối chỉ tiêu sử dụng đất khu dân cư nông thôn**

Diện tích năm 2020 là 287,88 ha; đến năm 2030 đất khu dân cư nông thôn thực tăng 145,12 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 151,09 ha do bổ sung quy hoạch đất ở mới và sắp xếp ổn định dân cư tại các xã. Diện tích tăng lên do các loại đất sau chuyển sang:

+ Đất trồng lúa	: 28,38 ha;
+ Đất trồng cây hàng năm khác	: 60,89 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	: 9,40 ha;
+ Đất rừng phòng hộ	: 2,72 ha;
+ Đất rừng sản xuất	: 19,31 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	: 10,70 ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	: 0,90 ha;
+ Đất giao thông	: 16,59 ha;
+ Đất thủy lợi	: 1,62 ha;
+ Đất công trình bưu chính, viễn thông	: 0,50 ha;
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	: 0,08 ha.

Diện tích tăng để thực hiện một số công trình, dự án:

- + Quy hoạch đất ở Bản Bua, xã Mường Phăng;
- + Quy hoạch đất ở Bản Na Luông, xã Nà Tấu;
- + Quy hoạch giãn dân khu Bản Keo, xã Pá Khoang;
- + Quy hoạch đất ở dọc trục đường QL 279 tại phố 2, bản Phiêng Loi, xã Thanh Minh;

+ Xây dựng các khu tái định cư thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo nâng cấp QL279B tỉnh Điện Biên, xã Mường Phăng, Nà Tấu;

+ Quy hoạch đất ở dọc trục đường liên bản Púng Tôm đi Pa Pôm, xã Thanh Minh; ...

- Giảm 5,97 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất thương mại, dịch vụ	: 0,34 ha;
+ Đất giao thông	: 4,90 ha;
+ Đất thủy lợi	: 0,12 ha;

- + Đất xây dựng cơ sở văn hoá : 0,18 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,26 ha;
- + Đất công trình năng lượng : 0,15 ha;
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng : 0,00 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,02 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án:

+ Nâng cấp đường vào khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng;

+ Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 279B;

+ Dự án đầu tư xây dựng đường Thanh Minh - Độc Lập và khu dân cư (đường vành đai phía Bắc) thành phố Điện Biên Phủ theo hình thức BT;

+ Đường ống cấp nước thô cho nhà máy nước Thành phố Điện Biên Phủ từ hồ Nậm Khâu Hu đến ngã ba chia nước bản Pa Pôm, xã Thanh Minh;

+ Cửa hàng xăng dầu Bản Phiêng Ban, xã Nà Tấu; ...

Như vậy đến năm 2030 diện tích khu dân cư nông thôn là 433,00 ha, chiếm 1,41% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích phân bổ đến các xã, phường như sau:

STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)	STT	Tên xã, phường	Diện tích (ha)
1	Phường Him Lam		7	Phường Thanh Trường	
2	Phường Mường Thanh		8	Xã Mường Phăng	84,57
3	Phường Nam Thanh		9	Xã Nà Nhạn	57,09
4	Phường Noong Bua		10	Xã Nà Tấu	110,29
5	Phường Tân Thanh		11	Xã Pá Khoang	44,19
6	Phường Thanh Bình		12	Xã Thanh Minh	136,86
<b>Tổng</b>					<b>433,00</b>

### **PHẦN III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH**

#### **I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, điều tra đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước trên địa bàn thành phố để sử dụng có hiệu quả và bền vững.

- Đối với sản xuất nông nghiệp: Tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ và phân vi sinh, hạn chế sử dụng phân hoá học và các loại thuốc hoá học bảo vệ thực vật. Các vùng đất có độ dốc lớn, không nên làm đất vào mùa mưa nhằm giảm thiểu các quá trình xói mòn, rửa trôi đất, khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường đất để sử dụng đất ổn định, lâu dài và bền vững.

- Đối với đất lâm nghiệp: Bảo vệ nghiêm rừng đầu nguồn, khu vực rừng có độ dốc trên 25°, nâng cao độ che phủ của rừng; nhằm bảo vệ các hồ đập và nguồn sinh thủy, điều tiết và cung cấp nước ổn định cho các vùng hạ du.

- Đối với sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít hoặc không gây ô nhiễm môi trường. Kiểm tra, xử phạt nghiêm khắc hoặc đình chỉ sản xuất đối với các nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh, v.v... gây ô nhiễm môi trường do các nguồn chất thải không được xử lý.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý, nhà đầu tư. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nghiên cứu và áp dụng phương thức quản lý tổng hợp môi trường thông qua cơ chế, chính sách, đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch để hài hòa các mục tiêu phát triển toàn thành phố với các mục tiêu phát triển của từng địa phương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông; có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đồng thời với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Đặc biệt trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai phải tính toán phân bổ quỹ đất đai đảm bảo nâng cao độ che phủ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn

nguồn gen; xây dựng chỉnh trang các đô thị, điểm dân cư, các cơ sở sản xuất, nghĩa trang, nghĩa địa; đồng thời đảm bảo quỹ đất phù hợp cho việc thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại cũng như chất thải trong sinh hoạt.

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các khu khai thác khoáng sản, các cơ sở công nghiệp, các khu dân cư tập trung, đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo lại cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất khai thác khoáng sản sau khai thác..., nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

## **II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất**

- Tăng cường bồi dưỡng trình độ cán bộ quản lý nhà nước, đảm bảo đủ nhân sự có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, công tác quản lý đất đai. Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở cấp thành phố và cán bộ địa chính xã, phường đáp ứng yêu cầu về đổi mới của ngành và hội nhập quốc tế.

- Rà soát, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu. Khuyến khích đầu tư theo hình thức xã hội hóa nhằm giảm áp lực cho nguồn ngân sách Nhà nước.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho nhân dân vùng bị thu hồi đất. Có cơ chế cụ thể hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi lao động từ nông nghiệp chuyên sang các ngành nghề khác.

## **III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất**

UBND thành phố Điện Biên Phủ phối hợp với các ban ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Giải pháp về đầu tư; Giải pháp về chính sách; Giải pháp về tổ chức thực hiện và giải pháp về thực hiện cho một số loại đất.

***\* Giải pháp về đầu tư***

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

- Ngoài nguồn vốn từ ngân sách, cần tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh và an ninh quốc phòng như: Giáo dục, y tế, giao thông, thủy lợi nội đồng... trên cơ sở phát huy truyền thống, tích cực của quần chúng nhân dân. Đồng thời, phải có chính sách ưu đãi thiết thực đối với nhân dân khi hiến đất; có kế hoạch bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chỉnh lý biến động đất đai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận...

- Tăng cường công khai tài chính, ngân sách các cấp, tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

***\* Giải pháp về chính sách***

- Chính sách ưu đãi: Có chính sách thuế ưu tiên cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng gốm sứ, vật liệu xây dựng... Giá thuê đất ưu đãi đầu tư tại các khu vực khuyến khích kêu gọi đầu tư; xây dựng quy trình và chính sách về đền bù hợp lý để việc giải phóng mặt bằng nhanh chóng và thuận tiện cho các nhà đầu tư thực hiện các dự án. Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn về cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật,...

- Chính sách tạo nguồn vốn từ đất: Sử dụng nguồn thu từ đất trước tiên phải dành một phần thỏa đáng để cải tạo đất, điều tra, đánh giá phân loại đất.

+ Xác định giá đất hợp lý nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo công bằng xã hội và khuyến khích sản xuất.

+ Rà soát đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu, ... Mọi đối tượng thuê đất đều phải nộp tiền thuê đất đầy đủ và kịp thời.



- Xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi: Giảm thiểu những trở ngại trong quản lý hành chính; khuyến khích phát triển các khu vực tư nhân; công khai, công bố các dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất; xây dựng ban hành công khai quy trình thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư, đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời đưa nội dung, nhiệm vụ quản lý, sử dụng đất theo đúng phương án quy hoạch.

- Tăng cường đầu tư để đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai.

- Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình trong quy hoạch. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng Luật đất đai.

- Đẩy nhanh tốc độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo sát sự biến động do chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thành phố theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

- Đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất:

+ Hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm: hỗ trợ giống cây con, phân bón, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng một số mô hình thí điểm sau đó nhân rộng đồng thời lên phương án cụ thể cho việc bao tiêu sản phẩm; đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông viên cơ sở.

+ Hỗ trợ vốn vay sản xuất: Trên nguyên tắc thuận tiện, lãi suất thấp, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn vốn. Chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế hộ gia đình.

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề: Đầu tư máy móc, thiết bị để khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, ...

+ Chính sách phát triển dịch vụ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: nâng cấp và mở rộng chợ làm nơi giao lưu buôn bán.

+ Chính sách thông tin về thị trường: Cần phải được xúc tiến mạnh mẽ nhằm giúp đỡ và định hướng cho nông dân sản xuất cây, con gì? bán cho ai? để đem lại hiệu quả cao và bền vững nhất.

***\* Giải pháp về tổ chức thực hiện***

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được UBND tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố và công bố công khai nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp thành phố có liên quan đến xã, phường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.

- Thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp Luật Đất đai nhất là vi phạm kế hoạch sử dụng đất.

- Xác định ranh giới trên bản đồ và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Quản lý chặt chẽ, giám sát thường xuyên việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là đất phi nông nghiệp.

- Không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành.

***\* Giải pháp về thực hiện cho một số loại đất***

- Đối với đất nông nghiệp:

+ Cần có các giải pháp bảo vệ (hạn chế chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp, nhất là đất lúa 2 vụ), đồng thời tăng cường đầu tư thủy lợi mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và tăng hệ số sử dụng đất, nhằm bù lại diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị chuyển vào các mục đích khác.

+ Tăng cường đầu tư trồng và khoanh nuôi rừng, nhất là rừng đầu nguồn nhằm bảo vệ nguồn nước và giữ gìn hệ sinh thái môi trường.

- Đối với đất phi nông nghiệp:

+ Đất ở: Việc phát triển mở rộng đất ở phải được gắn với mục tiêu hiện đại hoá nông thôn và đô thị hoá. Vì vậy, phải bố trí đất ở theo đúng kế hoạch, quy hoạch các khu dân cư tập trung, tránh mở rộng đất dân cư tự phát và phân tán.

+ Đất phát triển hạ tầng: Phát triển mở rộng đất hạ tầng đi đôi với phát triển cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, khu đô thị, khu dân cư, v.v... phát huy hiệu quả và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và ổn định.

#### **IV. Giải pháp về khoa học - công nghệ**

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để tạo ra sản phẩm có giá trị cao.

- Chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Thâm canh tăng vụ cải tạo đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Gắn sản xuất với công nghệ sau thu hoạch, phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Điện Biên Phủ theo các chuyên đề được xây dựng trên cơ sở phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, sự biến động về sử dụng các loại đất của thành phố trong những năm qua; trên cơ sở xử lý, tổng hợp định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của thành phố, của các ngành đến năm 2030; có tính kế thừa và căn cứ khoa học, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành trên địa bàn thành phố do đó phương án quy hoạch đảm bảo tính hệ thống, phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong thời gian tới.

Quy hoạch sử dụng đất theo các chuyên đề thành phố Điện Biên Phủ được tiến hành trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho tất cả các mục đích sử dụng, định mức sử dụng đất và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của tỉnh đảm bảo về pháp lý. Là cơ sở để thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tạo cơ sở để kêu gọi đầu tư và thu hút vốn đầu tư thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Do đó việc lập báo cáo chuyên đề thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên có tính khả thi cao và phù hợp với thực tiễn, đảm bảo an ninh lương thực, các vấn đề trồng rừng bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố.

### **2. Kiến nghị**

Đề nghị UBND tỉnh sớm thẩm định và xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Điện Biên Phủ, để UBND thành phố có cơ sở thực hiện quy hoạch, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tăng cường việc giám sát và quản lý quy hoạch sau khi được phê duyệt.

Rà soát chỉnh lý biến động, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm, kịp thời điều chỉnh phương án quy hoạch theo quy định, khi có thay đổi phù hợp.

Có các giải pháp tích cực về vốn, nhân lực, khoa học kỹ thuật để thực hiện quy hoạch sử dụng đất.